

Số 6934/BGDĐT-NGCBQLGD
V/v xin ý kiến góp ý Hồ sơ Nghị định

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025; Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 về danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) được giao nhiệm vụ xây dựng 02 Nghị định, bao gồm: Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo; Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động công tác trong các cơ sở giáo dục công lập.

Thực hiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ GDĐT trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND tỉnh) nghiên cứu, tham gia góp ý đối với 02 hồ sơ Nghị định nêu trên và triển khai một số nội dung sau:

1. Phổ biến 02 Hồ sơ Nghị định đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan để nghiên cứu, góp ý, gồm: (1) các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; trường chính trị tỉnh, trường thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các cơ sở giáo dục khác trực thuộc tỉnh; (2) Các sở: GDĐT, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp; (3) Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu.

2. Tổ chức lấy ý kiến và tổng hợp nội dung góp ý đối với 02 dự thảo Nghị định và 02 dự thảo Tờ trình theo mẫu gửi kèm.

Văn bản góp ý của UBND tỉnh (bao gồm bản pdf và bản word) xin gửi về Bộ GDĐT **trước ngày 15/11/2025**.

Tài liệu gửi kèm công văn gồm có: 02 Dự thảo Nghị định; 02 Dự thảo Tờ trình Chính phủ; Bảng ngang thuyết minh nội dung quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo;

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h);
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC


Phạm Ngọc Thương

Mẫu tổng hợp góp ý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP
GÓP Ý CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG,
CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Kính gửi: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia góp ý:

- a) Các Sở, ngành tham gia góp ý:.....
- b) Các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là xã) tham gia góp ý:.....xã; chiếm tỷ lệ ... % tổng số xã của tỉnh.
- c) Các cơ sở giáo dục, nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tham gia góp ý:

Cấp học, trình độ đào tạo	Cơ sở giáo dục		Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục		Nhà giáo	
	Tổng số cơ sở giáo dục	Số cơ sở giáo dục tham gia góp ý	Tổng số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Tổng số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tham gia góp ý	Tổng số nhà giáo	Tổng số nhà giáo tham gia góp ý
Cơ sở giáo dục mầm non						
Trường tiểu học						
Trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở						
Trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông						
Trung tâm giáo dục thường xuyên						
Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên						
Trung tâm giáo dục nghề nghiệp						
Trường trung cấp						
Trường cao đẳng						

Cấp học, trình độ đào tạo	Cơ sở giáo dục		Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục		Nhà giáo	
	Tổng số cơ sở giáo dục	Số cơ sở giáo dục tham gia góp ý	Tổng số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Tổng số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tham gia góp ý	Tổng số nhà giáo	Tổng số nhà giáo tham gia góp ý
Trường đại học						
Trường chính trị của tỉnh						
... (cơ sở giáo dục khác)						

1.2. Thông tin về việc thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp đối với nhà giáo

a) Những vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo

.....

.....

.....

b) Chi phí trả tiền lương và chế độ phụ cấp

- Chi tiền lương hiện hành: ...triệu đồng (cột số 2 bảng tính dưới đây);
- Tổng chi tiền lương và thu nhập hiện hành (cột số 14 bảng tính dưới đây): ...triệu đồng;
- Ngân sách chi hiện hành:
 - + Tiền chi từ ngân sách trung ương (cột số 15 bảng tính Phụ lục 1): ...triệu đồng;
 - + Tiền chi từ ngân sách địa phương (cột số 16 bảng tính Phụ lục 1): ...triệu đồng;
 - + Tiền chi từ nguồn khác (nếu có) (cột số 17 bảng tính Phụ lục 1): ...triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

2. Tổng hợp các ý kiến góp ý đối với Hồ sơ Nghị định quy định chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp đối với nhà giáo

2.1. Góp ý đối với dự thảo Tờ trình:

.....

.....

.....

2.2. Góp ý đối với dự thảo Nghị định:

Nội dung quy định cần điều chỉnh (<i>trích dẫn rõ điều, khoản, điểm, nội dung quy định cần điều chỉnh</i>)	Số người đề xuất điều chỉnh	Lý do	Phương án điều chỉnh
VD: Mức hệ số lương đặc thù đối với giáo viên mầm non (khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định)	55 người	Đặc thù công việc...	Đề nghị điều chỉnh tăng lên mức 1,3
...			
...			

2.3. Ý kiến góp ý khác (nếu có)

.....

.....

.....

3. Tổng hợp các ý kiến góp ý đối với Hồ sơ Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập

3.1. Góp ý đối với dự thảo Tờ trình:

.....

.....

.....

3.2. Góp ý đối với dự thảo Nghị định:

Nội dung quy định cần điều chỉnh (<i>trích dẫn rõ điều, khoản, điểm, nội dung quy định cần điều chỉnh</i>)	Số người đề xuất điều chỉnh	Lý do	Phương án điều chỉnh
VD: Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhân viên (khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định)	65 người	Đặc thù công việc...	Đề nghị điều chỉnh tăng lên mức 25%
...			

3.3. Ý kiến góp ý khác (nếu có)

.....

.....

.....

4. Đánh giá tác động

Quy định về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp tại dự thảo Nghị định dự kiến sẽ có những tác động sau đây:

4.1. Tác động tiêu cực

.....

.....

.....

4.2. Tác động tích cực

.....

.....

.....

4.3. Tác động đến chi phí tiền lương và phụ cấp

- Làm phát sinh tăng chi phí tiền lương so với hiện hành (cột số 1 bảng tính Phụ lục 2): ...triệu đồng;

- Làm phát sinh chi phụ cấp ưu đãi theo nghề (cột số 4 bảng tính Phụ lục 2): ...triệu đồng;

- Làm phát sinh tăng chi phí tiền lương và thu nhập hiện hành (cột số 12 bảng tính Phụ lục 2): ...triệu đồng;

- Phát sinh theo nguồn tài chính:

+ Phát sinh tiền chi từ ngân sách trung ương (cột số 13 bảng tính Phụ lục 2): ...triệu đồng;

+ Phát sinh tiền chi từ ngân sách địa phương (cột số 14 bảng tính Phụ lục 2): ...triệu đồng;

+ Phát sinh tiền chi từ nguồn khác (nếu có) (cột số 15 bảng tính Phụ lục 2): ...triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Ví dụ: Tiền chi hiện hành là 10 triệu, tính theo quy định mới sẽ phát sinh 1 triệu. Chỉ nhập “+ 1” triệu vào bảng dưới đây.

[illegible]

[illegible]

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động công tác trong cơ sở giáo dục công lập

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số .../2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số .../2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số .../2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số .../2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động công tác trong cơ sở giáo dục công lập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động công tác trong cơ sở giáo dục công lập.

2. Nghị định này không áp dụng đối với cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với viên chức, người lao động (bao gồm người đang trong thời gian tập sự, thử việc, hợp đồng) đang công tác trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 3. Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề

1. Mức phụ cấp 20%

Áp dụng đối với viên chức, người lao động thuộc nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; nhóm vị trí việc làm công tác hỗ trợ, phục vụ; nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (trừ vị trí việc làm giáo viên, giảng viên) trong cơ sở giáo dục công lập;

2. Mức phụ cấp 30%

Áp dụng đối với viên chức, người lao động nhà giáo:

a) Nhà giáo giảng dạy trong đại học, học viện, trường đại học và trường bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và trường chính trị của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Nhà giáo giảng dạy lý thuyết hoặc dạy thực hành trong trường cao đẳng, trường trung cấp;

c) Nhà giáo giảng dạy trong trung tâm bồi dưỡng chính trị;

d) Trợ giảng trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

đ) Người trực tiếp hướng dẫn thực hành tại các xưởng trường, trạm, trại, phòng thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoặc hướng dẫn thực hành trên tàu huấn luyện;

e) Vị trí việc làm quản lý không mang mã số giáo viên, giảng viên trong các cơ sở giáo dục công lập.

3. Mức phụ cấp 45%

Áp dụng đối với nhà giáo:

a) Giảng dạy môn Giáo dục chính trị trong trường trung cấp;

b) Giảng dạy lý thuyết kết hợp thực hành (tích hợp);

c) Là nghệ nhân, người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên hoặc bậc thợ 5/6, 6/7 trở lên hoặc tương đương dạy thực hành trong trường cao đẳng, trường trung cấp;

d) Giảng dạy trong trường sư phạm; trường cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo; khoa sư phạm trong các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng;

đ) Giảng dạy trong trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung học nghề.

4. Mức phụ cấp 50%

Áp dụng đối với nhà giáo:

a) Giảng dạy môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục chính trị trong đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng, trường bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và trường chính trị của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học;

c) Giảng dạy trong trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung học nghề ở các xã khu vực I, khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ.

d) Giảng dạy trong lớp có dưới 50% học sinh, sinh viên là người khuyết tật nhưng không phải trường, lớp quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

5. Mức phụ cấp 65%

Áp dụng đối với nhà giáo:

a) Giảng dạy môn năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao; giáo dục An ninh Quốc phòng;

b) Giảng dạy trong trường năng khiếu thể dục thể thao, trường năng khiếu nghệ thuật; trường phổ thông dân tộc bán trú;

c) Giảng dạy trong cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học ở xã khu vực I, khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ.

d) Giảng dạy trong lớp có từ 50% học sinh, sinh viên là người khuyết tật nhưng không phải trường, lớp quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

6. Mức phụ cấp 85%

Áp dụng đối với nhà giáo:

a) Giảng dạy trong trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung cấp nghề dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông chuyên, trường dự bị đại học; trường, lớp, trung tâm dành cho người khuyết tật; trung tâm phát triển giáo dục hòa nhập;

b) Giảng dạy trong cơ sở giáo dục thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

7. Trường hợp đang công tác tại trường giáo dưỡng hưởng phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật, nếu mức phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh thấp hơn 80% thì được hưởng thêm tỷ lệ phần trăm chênh lệch để đạt được mức phụ cấp ưu đãi bằng 80%.

8. Nhà giáo công tác, giảng dạy tại xã thuộc khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo, xã biên giới theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì tiếp tục được hưởng mức phụ cấp ưu đãi của vùng này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Cách tính phụ cấp ưu đãi theo nghề

1. Đối với viên chức, người lao động trả lương theo hệ số lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ, mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề hằng tháng được tính như sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề hằng tháng} = \frac{(\text{Hệ số lương hiện hưởng} + \text{Phụ cấp chức vụ lãnh đạo} + \text{phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)} + \text{hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)})}{\text{Mức lương cơ bản}} \times \text{Mức phụ cấp ưu đãi}$$

2. Đối với người lao động không được trả lương theo hệ số lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ, mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề hằng tháng được tính như sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề hằng tháng} = \text{Mức tiền lương được trả theo thỏa thuận} \times \text{Mức phụ cấp ưu đãi}$$

Trong đó mức tiền lương được trả theo thỏa thuận không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

3. Trường hợp trong tháng có thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề (theo quy định tại Điều 3 Nghị định này) thì mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề chỉ được tính đối với thời gian còn lại của tháng, cụ thể như sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề trong tháng} = \frac{\text{Mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề hàng tháng}}{22 \text{ ngày (số ngày làm việc tiêu chuẩn trong 01 tháng)}} \times \text{Số ngày được tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề trong tháng}$$

Điều 5. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề

Viên chức, người lao động không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề trong các thời gian sau đây:

1. Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.
2. Thời gian bị đình chỉ công tác liên tục từ 01 tháng trở lên.
3. Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (trừ thời gian nghỉ thai sản theo quy định của Bảo hiểm xã hội).
4. Thời gian nghỉ khác vượt quá thời gian quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội.

Điều 6. Phương thức, nguồn kinh phí chi trả

1. Phương thức chi trả

Phụ cấp này được trả cùng kỳ lương hàng tháng (kể cả thời gian nghỉ hè) và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Nguồn kinh phí chi trả

Nguồn kinh phí chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, cụ thể:

a) Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề được đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

b) Cơ sở giáo dục tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề được đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và nguồn ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Cơ sở giáo dục do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 7. Điều khoản áp dụng

1. Trong thời gian biệt phái, viên chức được đơn vị cử đi biệt phái chi trả phụ cấp ưu đãi theo nghề, được quy định cụ thể sau đây:

a) Viên chức được cử đến biệt phái tại cơ sở giáo dục công lập có mức phụ cấp khác mức phụ cấp nơi cử đi biệt phái thì được hưởng mức phụ cấp cao hơn;

b) Viên chức được cử đến biệt phái tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được giữ nguyên mức phụ cấp ưu đãi nơi cử viên chức đi biệt phái;

c) Viên chức, người lao động trong đơn vị không phải là cơ sở giáo dục được cử đến biệt phái tại cơ sở giáo dục công lập thì được hưởng mức phụ cấp ưu đãi như đối với viên chức, người lao động ở vị trí việc làm tương ứng tại cơ sở giáo dục công lập đó.

2. Viên chức, người lao động thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

3. Viên chức, người lao động thuộc đối tượng áp dụng ở nhiều mức phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại Điều 3 Nghị định này chỉ được hưởng 01 mức phụ cấp ưu đãi theo nghề cao nhất.

4. Trường hợp đơn vị hành chính nơi mà cơ sở giáo dục đang hoạt động được cấp có thẩm quyền thay đổi loại đơn vị hành chính mà phân loại đơn vị hành chính cũ được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề cao hơn, thì viên chức, người lao động đang công tác tại cơ sở giáo dục đó tiếp tục được bảo lưu mức phụ cấp ưu đãi này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định phân loại đơn vị hành chính mới của cơ quan có thẩm quyền.

5. Nhà giáo đang làm công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, trình độ đào tạo được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề đối với cấp học, trình độ đào tạo có số tiết thực dạy nhiều hơn trong tháng (nếu số tiết dạy bằng nhau thì được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề đối với cấp học có mức phụ cấp cao nhất). Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường phổ thông có nhiều cấp học được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cấp học có mức phụ cấp cao nhất.

6. Viên chức, người lao động làm việc liên trường theo phân công của cơ quan có thẩm quyền được hưởng mức phụ cấp ưu đãi đối với cơ sở giáo dục nơi quản lý viên chức.

7. Viên chức, người lao động được phân công dạy ở nhiều điểm trường được hưởng phụ cấp ưu đãi đối với điểm trường có số tiết thực dạy nhiều hơn trong tháng (nếu số tiết dạy bằng nhau thì được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề đối với điểm trường có mức phụ cấp cao nhất). Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của cơ sở giáo dục có nhiều điểm trường thì được hưởng phụ cấp ưu đãi đối với điểm trường có mức phụ cấp cao nhất.

8. Viên chức, người lao động không thuộc trường sư phạm, khoa sư phạm tham gia giảng dạy tại trường sư phạm, khoa sư phạm đạt từ 50% số giờ dạy theo quy định trở lên được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động giảng dạy trong trường sư phạm, khoa sư phạm.

Ngoài các mức phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại Nghị định này, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trường thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội căn cứ vào điều kiện cụ thể của đơn vị để quy định mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động bảo đảm phù hợp với thực tiễn, không thấp hơn mức phụ cấp ưu đãi được quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Lộ trình thực hiện

Các mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với giáo viên mầm non và phổ thông quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030. Từ ngày 01/01/2031 trở đi, việc thực hiện mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với giáo viên mầm non và phổ thông được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/08/2025 của Bộ Chính trị, cụ thể như sau:

(i) Giáo viên mầm non, phổ thông công tác tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, giáo viên các trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục người khuyết tật, trường dự bị đại học được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 100%.

(ii) Giáo viên mầm non, phổ thông không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KG (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức,
người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu nhiệm vụ và giải pháp phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo: “...Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục... Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng”.

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW nêu nhiệm vụ: “... thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng...”.

Nghị quyết số 41/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV nêu nhiệm vụ đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo: “Khẩn trương nghiên cứu, tham mưu ban hành các chính sách đặc thù, bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non; sớm khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên tại các địa phương, nhất là ở các tỉnh miền núi” (tiết thứ 2 khoản 3 Điều 2).

Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/11/2022 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2022 quy định Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương: “... khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ và nâng cao chất lượng giáo viên; phối hợp với Bộ Nội vụ điều chỉnh chế độ tiền lương, phụ cấp cho giáo viên” (điểm 13.b.I).

Luật Giáo dục 2019 quy định: “Nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp; được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của Chính phủ (Điều 76)”; “Nhà nước bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và

ting thần để nhà giáo thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình; Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về chế độ phụ cấp và các chính sách khác đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” (Điều 77).

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, phụ cấp ưu đãi theo nghề áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức làm những nghề hoặc công việc có điều kiện lao động cao hơn bình thường, có chính sách ưu đãi của Nhà nước mà chưa được xác định trong mức lương (điểm b khoản 8). PCƯĐ theo nghề có ý nghĩa rất quan trọng, khuyến khích động viên đời sống tinh thần, người lao động có động lực làm việc, gắn bó lâu dài với nghề, giúp ổn định đời sống vật chất.

Bên cạnh đó, theo Nghị quyết số 27-NQ-TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, phụ cấp ưu đãi theo nghề áp dụng đối với công chức, viên chức của những nghề, công việc có yếu tố điều kiện lao động cao hơn bình thường và có chính sách ưu đãi phù hợp của Nhà nước (giáo dục và đào tạo, y tế, toà án, kiểm sát, thi hành án dân sự, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, hải quan, kiểm lâm, quản lý thị trường,...).

Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/03/2025 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI giao Bộ GDĐT xây dựng “*Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập*”.

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo khẳng định “Có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo; nâng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông lên tối thiểu 70% cho giáo viên, tối thiểu 30% cho nhân viên, 100% cho giáo viên ở khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.

Như vậy, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập là cần thiết và có cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau 20 năm thi hành Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 01/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC, chính sách về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đã mang lại nhiều kết quả tích cực, góp phần hỗ trợ nâng cao thu nhập và bảo đảm điều kiện cần thiết để nhà giáo thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình, qua đó chất lượng giáo dục cũng được nâng cao. Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề còn một số bất cập sau:

2.1. Tổng thu nhập của giáo viên phổ thông chưa tương xứng với tính đặc thù và mức độ phức tạp của hoạt động nghề nghiệp

Mặc dù trong thời gian qua, Nhà nước đã quan tâm điều chỉnh chính sách tiền lương, phụ cấp đối với đội ngũ nhà giáo, tuy nhiên tổng thu nhập của giáo viên mầm non và phổ thông hiện nay vẫn chưa tương xứng với đặc thù nghề nghiệp và mức độ phức tạp của công việc. Trong khi đó, giáo viên là lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, thực hiện nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục, hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên đòi hỏi cường độ lao động lớn, trách nhiệm xã hội cao, phải thường xuyên cập nhật tri thức, đổi mới phương pháp giảng dạy, đồng thời chịu áp lực về đánh giá, thi đua và yêu cầu của phụ huynh, xã hội.

Đối với giáo viên mầm non, đặc thù nghề nghiệp còn bao gồm khối lượng công việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ nhỏ trong điều kiện môi trường làm việc căng thẳng, thời gian làm việc kéo dài, nhưng mức thu nhập bình quân còn thấp so với mặt bằng chung của các ngành nghề có yêu cầu tương tự.

Đối với giáo viên phổ thông, yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, đổi mới chương trình – sách giáo khoa, công tác chủ nhiệm và hoạt động giáo dục toàn diện học sinh ngày càng cao, song chế độ đãi ngộ chưa phản ánh đúng giá trị lao động và mức độ phức tạp của nghề, cụ thể:

	Hệ số lương khởi điểm của giáo viên hạng III	Mức phụ cấp ưu đãi ở vùng thuận lợi	Tổng tiền lương và phụ cấp ưu đãi
Mầm non	2,10	35%	6.633.900
Tiểu học	2,34	35%	7.392.060
Trung học cơ sở	2,34	30%	7.118.280
Trung học phổ thông	2,34	30%	7.118.280

Chính vì vậy, cần tiếp tục điều chỉnh chính sách tiền lương, phụ cấp và các chế độ đãi ngộ khác nhằm bảo đảm thu nhập của đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông tương xứng với đặc thù nghề nghiệp, góp phần nâng cao động lực, giữ chân và thu hút người giỏi vào ngành giáo dục.

2.2. Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với giáo viên trường dự bị đại học chưa công bằng so với giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú

Theo quy định tại Văn bản hợp nhất 14/VBHN-BGDĐT ngày 06/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học, trường dự bị đại học thuộc loại trường chuyên biệt và Nhà nước thành lập trường dự bị đại học cho con em dân tộc thiểu số, con em các gia đình dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhằm góp phần đào tạo nguồn cán bộ cho các vùng này. Một trong những nhiệm vụ của trường dự bị đại học là quản

lý, tổ chức đời sống vật chất, tinh thần cho học sinh; tổ chức các hoạt động nhằm giữ gìn và phát triển những di sản văn hoá dân tộc.

Theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đối tượng học sinh của trường dự bị đại học là: người dân tộc thiểu số rất ít người, người dân tộc thiểu số thường trú tại các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực 1 theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học; người dân tộc Kinh thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tất cả học sinh trường dự bị đại học được hưởng các chế độ, chính sách của học sinh nội trú (Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc).

Như vậy, do đặc điểm về đối tượng học sinh, chương trình bồi dưỡng dự bị đại học, cán bộ quản lý, giáo viên trường dự bị đại học phải thực hiện các nhiệm vụ quản lý, chăm sóc học sinh nội trú, tổ chức các hoạt động giữ gìn và phát triển những di sản văn hoá dân tộc giống với giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú. Mặc dù có mức độ phức tạp công việc tương đồng, có bảng lương áp dụng đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp như nhau, nhưng hiện nay chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với giáo viên trường dự bị đại học và giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú có sự khác nhau: giáo viên trường dự bị đại học là 50% và giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú là 70%.

2.3. Việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo gặp khó khăn, vướng mắc do quy định thay đổi về phân chia khu vực

Việc phân chia đối tượng hưởng các mức phụ cấp ưu đãi theo vùng tại Quyết định 244 hiện không còn phù hợp với việc phân định vùng theo mức độ phát triển kinh tế - xã hội của pháp luật hiện hành. Chẳng hạn, có địa phương được xác định là thành phố nhưng trong đó vẫn có đơn vị hành chính trực thuộc được xác định là khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; có địa phương được xác định là thị xã, nhưng vẫn còn vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn... Thực trạng này dẫn đến việc xác định mức hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với một số đối tượng gặp nhiều khó khăn như Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 quy định: *“Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực”*.

Như vậy, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục thuộc các xã khu vực III khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ

không được hưởng phụ cấp ưu đãi theo khu vực, thu nhập bị cắt giảm, rất khó khăn trong đời sống. Theo số liệu báo cáo Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức thì có 100 xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi, có 4 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đạt chuẩn nông thôn mới. Do đó, cần có giai đoạn chuyển tiếp cho đối tượng này nhằm duy trì thu nhập, bảo đảm đời sống. Trong thực tiễn, nhiều địa phương đã thực hiện không đồng nhất quy định này (xã khu vực I nhưng vẫn chỉ trả chế độ PCƯĐ cho nhà giáo theo mức ở khu vực II (mức phụ cấp 50%), chỉ có một số ít các địa phương chỉ trả mức phụ cấp 35% (như: An Giang, Bình Thuận, Ninh Thuận, Tuyên Quang). Nội dung này được Ủy ban Dân tộc đề xuất tại văn bản số 1342/UBNDT-CSDT ngày 30/8/2022.

2.4. Nhân viên trường học chưa được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề

Đội ngũ nhân viên trường học đóng vai trò quan trọng, góp phần vào sự thành công trong mỗi nhà trường, bao gồm: công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, công nghệ thông tin, văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế... tất cả đều không thể thiếu trong các nhà trường.

Hiện nay, thu nhập của nhân viên trường học vẫn hưởng theo chính sách tiền lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP. Đa số các vị trí nhân viên áp dụng bảng lương của viên chức loại B hoặc A0, là hai bảng lương thấp nhất trong các bảng lương của cán bộ, công chức, viên chức. Chẳng hạn: bảng lương của viên chức loại A0 áp dụng đối với viên chức thiết bị thí nghiệm, giáo vụ, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; bảng lương của viên chức loại B áp dụng đối với các vị trí yêu cầu trình độ trung cấp như kế toán viên trung cấp, thư viện viên trung cấp, văn thư viên trung cấp, y sĩ trung cấp... Số ít vị trí nhân viên được áp dụng bảng lương của viên chức loại A1 như viên chức tư vấn học sinh, kế toán viên, văn thư viên, thư viện viên.

Các vị trí viên chức thiết bị thí nghiệm, giáo vụ, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật chỉ có 01 hạng nên không có cơ hội để được thăng hạng chức danh nghề nghiệp và được áp dụng bảng lương có hệ số lương khởi điểm cao hơn, khoảng cách lương giữa các bậc dài hơn, dải lương rộng hơn; các vị trí nhân viên khác thực tế cơ hội để thăng hạng rất hiếm.

Ngoài tiền lương, có một số vị trí nhân viên được hưởng thêm chế độ phụ cấp khác như viên chức kế toán, thủ quỹ được hưởng phụ cấp trách nhiệm 0,1 so với mức lương cơ sở; kế toán trưởng hưởng phụ cấp trách nhiệm 0,2 so với mức lương cơ sở; viên chức thiết bị, thí nghiệm, thư viện được hưởng phụ cấp độc hại 0,2 so với mức lương cơ sở; viên chức y tế trường học được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề 20%. Như vậy, về cơ bản, nhân viên trong trường học chỉ được hưởng mức lương theo hệ số lương cơ bản mà không có thêm phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp thâm niên như giáo viên. Mức lương thấp nhất đối với nhân viên trường học ước tính khoảng 4,3 triệu.

Thực tế, do hạn chế về tổng biên chế được giao, trong bối cảnh phải ưu tiên biên chế giáo viên số lượng nhân viên trường học về cơ bản đều thiếu so với quy định và nhu cầu công việc thực tiễn. Do đó, nhiều nhân viên trường học được giao kiêm nhiệm thêm vị trí việc làm khác nhưng không có thêm chế độ.

Với mức thu nhập và yêu cầu công việc như hiện nay, cơ sở giáo dục khó tuyển dụng được các vị trí việc làm nhân viên chuyên trách, các nhiệm vụ của nhân viên nhằm hỗ trợ cho hoạt động dạy học, giáo dục không được đầy đủ, kịp thời và bảo đảm chất lượng theo yêu cầu.

* Từ căn cứ thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg và việc nghiên cứu, bổ sung quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhân viên trường học là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Việc ban hành Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập tạo hành lang pháp lý để địa phương có căn cứ triển khai thực hiện, đảm bảo quyền lợi, công bằng cho viên chức, người lao động trong thời gian chưa thực hiện chính sách tiền lương mới. Đồng thời, thể hiện rõ quan điểm “giáo dục là quốc sách hàng đầu” và sự quan tâm, chăm lo của Đảng, Nhà nước đối với đội ngũ nhà giáo, viên chức, người lao động ngành Giáo dục.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Kế thừa quy định còn phù hợp khi triển khai trong thực tiễn của Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 01/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC.

- Đề xuất mức phụ cấp ưu đãi đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập bảo đảm công bằng, phù hợp với đặc thù, tính chất mức độ phức tạp công việc của nhà giáo và các viên chức, người lao động khác trong cơ sở giáo dục công lập.

- Bảo đảm tính toàn diện, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn; tạo hành lang pháp lý để các địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Quá trình soạn thảo dự thảo Nghị định đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Nghị định. Trong quá trình soạn thảo, Bộ GDĐT đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến dự thảo Nghị định (như Luật Viên chức, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định

này, Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập...) để bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật; rà soát các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (như Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và Bình luận chung số 13 của Ủy ban về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội...).

2. Ngày/...../2025, Bộ GDĐT có Công văn số/BGDĐT-NGCBQLGD gửi xin ý kiến của một số bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (Các Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Công an, Tư pháp, Tài chính, Bộ Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo) về dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ GDĐT đã tiến hành tổng hợp, nghiên cứu để tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý.

3. Ngày .../.../2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định Dự thảo Nghị định. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số .../BC-BTP ngày .../.../2025, Bộ GDĐT đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động công tác trong các cơ sở giáo dục công lập.

Nghị định này áp dụng đối với viên chức, người lao động (bao gồm cả người đang trong thời gian tập sự, thử việc, hợp đồng) đang công tác trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nghị định này không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và cơ quan cơ yếu.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 10 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề

Điều 4. Cách tính phụ cấp ưu đãi theo nghề

Điều 5. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề

Điều 6. Phương thức, nguồn kinh phí chi trả

Điều 7. Điều khoản áp dụng

Điều 8. Lộ trình thực hiện

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

2. Nội dung cơ bản dự thảo Nghị định:

Các nội dung của dự thảo Nghị định chủ yếu kế thừa quy định đã thực hiện ổn định, không có vướng mắc trong thực tiễn của Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-

BTC ngày 23/01/2006 nhằm bao quát các đối tượng nhà giáo và bảo đảm chế độ chính sách cho nhà giáo. Cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động công tác trong cơ sở giáo dục công lập.

2. Nghị định này không áp dụng đối với cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với viên chức, người lao động (bao gồm người đang trong thời gian tập sự, thử việc, hợp đồng) đang công tác trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 3. Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề

1. Mức phụ cấp 20%

Áp dụng đối với viên chức, người lao động thuộc nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; nhóm vị trí việc làm công tác hỗ trợ, phục vụ; nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (trừ vị trí việc làm giáo viên, giảng viên) trong cơ sở giáo dục công lập;

2. Mức phụ cấp 30%

Áp dụng đối với viên chức, người lao động ~~nhà giáo~~:

a) Nhà giáo giảng dạy trong đại học, học viện, trường đại học và trường bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và trường chính trị của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Nhà giáo giảng dạy lý thuyết hoặc dạy thực hành trong trường cao đẳng, trường trung cấp;

c) Nhà giáo giảng dạy trong trung tâm bồi dưỡng chính trị;

d) Trợ giảng trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

đ) Người trực tiếp hướng dẫn thực hành tại các xưởng trường, trạm, trại, phòng thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoặc hướng dẫn thực hành trên tàu huấn luyện;

e) Vị trí việc làm quản lý không mang mã số giáo viên, giảng viên trong các cơ sở giáo dục công lập.

3. Mức phụ cấp 45%

Áp dụng đối với nhà giáo:

a) Giảng dạy môn Giáo dục chính trị trong trường trung cấp;

b) Giảng dạy lý thuyết kết hợp thực hành (tích hợp);

c) Là nghệ nhân, người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên hoặc bậc thợ 5/6, 6/7 trở lên hoặc tương đương dạy thực hành trong trường cao đẳng, trường trung cấp;

d) Giảng dạy trong trường sư phạm; trường cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo; khoa sư phạm trong các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng;

đ) Giảng dạy trong trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung học nghề.

4. Mức phụ cấp 50%

Áp dụng đối với nhà giáo:

a) Giảng dạy môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục chính trị trong đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng, trường bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và trường chính trị của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học;

c) Giảng dạy trong trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung học nghề ở các xã khu vực I, khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ.

d) Giảng dạy trong lớp có dưới 50% học sinh, sinh viên là người khuyết tật nhưng không phải trường, lớp quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

5. Mức phụ cấp 65%

Áp dụng đối với nhà giáo:

a) Giảng dạy môn năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao; giáo dục An ninh Quốc phòng;

b) Giảng dạy trong trường năng khiếu thể dục thể thao, trường năng khiếu nghệ thuật; trường phổ thông dân tộc bán trú;

c) Giảng dạy trong cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học ở xã khu vực I, khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ.

d) Giảng dạy trong lớp có từ 50% học sinh, sinh viên là người khuyết tật nhưng không phải trường, lớp quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

6. Mức phụ cấp 85%

Áp dụng đối với nhà giáo:

a) Giảng dạy trong trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung cấp nghề dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông chuyên, trường dự bị đại học; trường, lớp, trung tâm dành cho người khuyết tật; trung tâm phát triển giáo dục hòa nhập;

b) Giảng dạy trong cơ sở giáo dục thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

7. Trường hợp đang công tác tại trường giáo dưỡng hưởng phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật, nếu mức phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh thấp hơn 80% thì được hưởng thêm tỷ lệ phần trăm chênh lệch để đạt được mức phụ cấp ưu đãi bằng 80%.

8. Nhà giáo công tác, giảng dạy tại xã thuộc khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo, xã biên giới theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì tiếp tục được hưởng mức phụ cấp ưu đãi của vùng này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Cách tính phụ cấp ưu đãi theo nghề

1. Đối với viên chức, người lao động trả lương theo hệ số lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ, mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề hằng tháng được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức tiền phụ} \\ \text{cấp ưu đãi theo} \\ \text{nghề hằng} \\ \text{tháng} \end{array} = \begin{array}{l} (\text{Hệ số lương hiện hưởng} + \text{Phụ cấp} \\ \text{chức vụ lãnh đạo} + \text{phụ cấp thâm} \\ \text{niên vượt khung (nếu có)} + \text{hệ số} \\ \text{chênh lệch bảo lưu (nếu có)}) \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{lương} \\ \text{cơ} \\ \text{bản} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{phụ} \\ \text{cấp ưu} \\ \text{đãi} \end{array}$$

2. Đối với người lao động không được trả lương theo hệ số lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ, mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề hằng tháng được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề} \\ \text{hằng tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức tiền lương được trả} \\ \text{theo thỏa thuận} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức phụ} \\ \text{cấp ưu đãi} \end{array}$$

Trong đó mức tiền lương được trả theo thỏa thuận không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

3. Trường hợp trong tháng có thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề (theo quy định tại Điều 3 Nghị định này) thì mức tiền phụ cấp ưu đãi theo nghề chỉ được tính đối với thời gian còn lại của tháng, cụ thể như sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp ưu} = \frac{\text{Mức tiền phụ cấp ưu đãi}}{\text{Số ngày được tính}}$$

đãi theo nghề trong tháng	theo nghề hằng tháng 22 ngày (số ngày làm việc tiêu chuẩn trong 01 tháng)	hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề trong tháng
------------------------------	---	--

Điều 5. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề

Viên chức, người lao động không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề trong các thời gian sau đây:

1. Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.
2. Thời gian bị đình chỉ công tác liên tục từ 01 tháng trở lên.
3. Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (trừ thời gian nghỉ thai sản theo quy định của Bảo hiểm xã hội).
4. Thời gian nghỉ khác vượt quá thời gian quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội.

Điều 6. Phương thức, nguồn kinh phí chi trả

1. Phương thức chi trả

Phụ cấp này được trả cùng kỳ lương hàng tháng (kể cả thời gian nghỉ hè) và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Nguồn kinh phí chi trả

Nguồn kinh phí chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, cụ thể:

a) Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề được đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

b) Cơ sở giáo dục tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề được đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và nguồn ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Cơ sở giáo dục do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 7. Điều khoản áp dụng

1. Trong thời gian biệt phái, viên chức được đơn vị cử đi biệt phái chi trả phụ cấp ưu đãi theo nghề, được quy định cụ thể sau đây:

a) Viên chức được cử đến biệt phái tại cơ sở giáo dục công lập có mức phụ cấp khác mức phụ cấp nơi cử đi biệt phái thì được hưởng mức phụ cấp cao hơn;

b) Viên chức được cử đến biệt phái tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được giữ nguyên mức phụ cấp ưu đãi nơi cử viên chức đi biệt phái;

c) Viên chức, người lao động trong đơn vị không phải là cơ sở giáo dục được cử đến biệt phái tại cơ sở giáo dục công lập thì được hưởng mức phụ cấp ưu đãi như đối với viên chức, người lao động ở vị trí việc làm tương ứng tại cơ sở giáo dục công lập đó.

2. Viên chức, người lao động thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

3. Viên chức, người lao động thuộc đối tượng áp dụng ở nhiều mức phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại Điều 3 Nghị định này chỉ được hưởng 01 mức phụ cấp ưu đãi theo nghề cao nhất.

4. Trường hợp đơn vị hành chính nơi mà cơ sở giáo dục đang hoạt động được cấp có thẩm quyền thay đổi loại đơn vị hành chính mà phân loại đơn vị hành chính cũ được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề cao hơn, thì viên chức, người lao động đang công tác tại cơ sở giáo dục đó tiếp tục được bảo lưu mức phụ cấp ưu đãi này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định phân loại đơn vị hành chính mới của cơ quan có thẩm quyền.

5. Nhà giáo đang làm công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, trình độ đào tạo được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề đối với cấp học, trình độ đào tạo có số tiết thực dạy nhiều hơn trong tháng (nếu số tiết dạy bằng nhau thì được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề đối với cấp học có mức phụ cấp cao nhất). Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường phổ thông có nhiều cấp học được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cấp học có mức phụ cấp cao nhất.

6. Viên chức, người lao động làm việc liên trường theo phân công của cơ quan có thẩm quyền được hưởng mức phụ cấp ưu đãi đối với cơ sở giáo dục nơi quản lý viên chức.

7. Viên chức, người lao động được phân công dạy ở nhiều điểm trường được hưởng phụ cấp ưu đãi đối với điểm trường có số tiết thực dạy nhiều hơn trong tháng (nếu số tiết dạy bằng nhau thì được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề đối với điểm trường có mức phụ cấp cao nhất). Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của cơ sở giáo dục có nhiều điểm trường thì được hưởng phụ cấp ưu đãi đối với điểm trường có mức phụ cấp cao nhất.

8. Viên chức, người lao động không thuộc trường sư phạm, khoa sư phạm tham gia giảng dạy tại trường sư phạm, khoa sư phạm đạt từ 50% số giờ dạy theo quy định trở lên được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động giảng dạy trong trường sư phạm, khoa sư phạm.

Ngoài các mức phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại Nghị định này, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trường thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội căn cứ vào điều kiện cụ thể của đơn vị để quy định mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động bảo đảm phù hợp với thực tiễn, không thấp hơn mức phụ cấp ưu đãi được quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Lộ trình thực hiện

Các mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với giáo viên mầm non và phổ thông quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030. Từ ngày 01/01/2031 trở đi, việc thực hiện mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với giáo viên mầm non và phổ thông được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/08/2025 của Bộ Chính trị, cụ thể như sau:

(i) Giáo viên mầm non, phổ thông công tác tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, giáo viên các trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục người khuyết tật, trường dự bị đại học được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 100%.

(ii) Giáo viên mầm non, phổ thông không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO GỬI THẨM ĐỊNH

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

6.1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện chính sách

Đối với việc điều chỉnh mức phụ cấp ưu đãi của giáo viên mầm non, phổ thông tăng 15% so với quy định hiện hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tính toán chi phí phát sinh tại Phụ lục I kèm theo Tờ trình này. Theo đó, chi phí trả lương giáo viên mầm non, phổ thông dự tính tăng thêm khoảng 1.447 tỷ đồng/tháng.

Đối với việc điều chỉnh mức phụ cấp ưu đãi của giáo viên dự bị đại học, trên cơ sở bảng lương thực nhận của giáo viên tại thời điểm hiện tại, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tính toán theo mức phụ cấp ưu đãi điều chỉnh từ 50% lên 85% và dự tính chi phí phát sinh khoảng 515 triệu đồng/tháng.

Đối với việc bổ sung 20% mức phụ cấp ưu đãi cho nhân viên trường học chi phí bổ sung 158 tỉ đồng/tháng.

Đối với quy định tăng 5% phụ cấp ưu đãi theo nghề cho giảng viên và 20% cho nhân viên ở các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường cao đẳng do cơ sở giáo dục tự bảo đảm nguồn chi tiền lương, do đó không làm phát sinh ngân sách nhà nước cho đối tượng này.

6.2. Thời gian dự kiến thông qua Nghị định: Tháng 01/01/2026.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập, Bộ Giáo dục và Đào tạo xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này:

- Dự thảo Nghị định;
- Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó TTgCP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH**Quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo**

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số .../2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nhà giáo được tuyển dụng làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Chương II**CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO****Điều 3. Bảng lương áp dụng đối với nhà giáo**

1. Nhà giáo được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước theo quy định của pháp luật, trừ nhà giáo được bổ nhiệm chức danh giáo sư theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nhà giáo được bổ nhiệm chức danh giáo sư được áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể việc bổ nhiệm, xếp lương đối với nhà giáo.

Điều 4. Hệ số lương đặc thù đối với nhà giáo

1. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,15 so với hệ số lương hiện hưởng.

2. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,25 so với hệ số lương hiện hưởng.

3. Nhà giáo giảng dạy tại trường, lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; trường phổ thông liên cấp nội trú tiểu học, trung học cơ sở vùng biên giới đất liền được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,2 so với hệ số lương hiện hưởng.

4. Nhà giáo giảng dạy tại trường, lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập dành cho trẻ em mầm non được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,3 so với hệ số lương hiện hưởng.

Điều 5. Công thức tính mức lương và phụ cấp đối với nhà giáo

1. Công thức tính mức lương đối với nhà giáo

$$\text{Mức lương thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026} = \text{Mức lương cơ sở} \times \text{Hệ số lương hiện hưởng} \times \text{Hệ số lương đặc thù}$$

2. Công thức tính mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu, mức phụ cấp đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương cơ sở và mức phụ cấp đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Hệ số lương đặc thù không dùng để tính mức phụ cấp.

Chương III

CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 6. Nguyên tắc thực hiện chế độ phụ cấp đối với nhà giáo

1. Nhà giáo được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên nhà giáo và các loại phụ cấp khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng hưởng phụ cấp, mức phụ cấp, cách tính hưởng phụ cấp thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này.

2. Nhà giáo được điều động hoặc biệt phái từ cơ sở giáo dục công lập này đến cơ sở giáo dục công lập khác được hưởng các mức phụ cấp áp dụng đối với cơ sở giáo dục nhà giáo được điều động đến hoặc đến biệt phái.

Trường hợp điều động nhà giáo giữa các cơ sở giáo dục mà các mức phụ cấp áp dụng tại cơ sở giáo dục nơi đi cao hơn cơ sở giáo dục nơi đến thì nhà giáo được bảo lưu các chế độ phụ cấp được hưởng trước khi điều động hoặc biệt phái với thời gian tối đa 36 tháng theo thời gian được điều động, biệt phái, sau thời

gian đó được xem xét để bố trí lại chế độ phụ cấp cho phù hợp với công việc và địa bàn công tác.

Trường hợp điều động nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập sang cơ quan quản lý giáo dục mà các mức phụ cấp áp dụng tại cơ sở giáo dục cao hơn cơ quan quản lý giáo dục thì nhà giáo được bảo lưu tiền lương và các chế độ phụ cấp được hưởng trước khi điều động với thời gian 12 tháng, sau thời gian đó được xem xét để xếp lại bậc lương, các chế độ phụ cấp phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm;

3. Nhà giáo công tác tại ngành, lĩnh vực có chế độ phụ cấp đặc thù thì được hưởng thêm chế độ phụ cấp đặc thù theo quy định của ngành, lĩnh vực đó.

4. Trường hợp đơn vị hành chính nơi mà cơ sở giáo dục đang hoạt động được cấp có thẩm quyền thay đổi loại đơn vị hành chính mà phân loại đơn vị hành chính cũ được hưởng các mức phụ cấp cao hơn, thì nhà giáo đang công tác tại cơ sở giáo dục đó tiếp tục được các hưởng mức phụ cấp này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định phân loại đơn vị hành chính mới của cơ quan có thẩm quyền.

5. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc của cơ sở giáo dục có nhiều cấp học hoặc nhiều trình độ đào tạo được hưởng phụ cấp đối với cấp học hoặc trình độ đào tạo có mức phụ cấp cao nhất.

6. Nhà giáo được giao kiêm nhiệm các công việc có chi trả phụ cấp trách nhiệm thì được hưởng tổng các phụ cấp trách nhiệm cho các công việc kiêm nhiệm đó; số lượng các nhiệm vụ kiêm nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Đối với cơ sở giáo dục có nhiều điểm trường hoặc phân hiệu, hiệu trưởng, giám đốc được hưởng phụ cấp ở điểm trường hoặc phân hiệu có mức phụ cấp cao nhất; phó hiệu trưởng, phó giám đốc được hưởng mức phụ cấp cao nhất trong số các điểm trường hoặc phân hiệu được giao phụ trách.

Nhà giáo được phân công dạy ở nhiều điểm trường hoặc phân hiệu được hưởng phụ cấp của điểm trường hoặc phân hiệu có số tiết thực dạy hoặc số giờ chuẩn giảng dạy nhiều hơn trong tháng (bao gồm cả số tiết được quy đổi, giảm hoặc tính đủ theo quy định). Trường hợp số tiết thực dạy hoặc giờ chuẩn giảng dạy bằng nhau trong tháng thì nhà giáo được hưởng mức phụ cấp cao hơn.

Điều 7. Phụ cấp trách nhiệm công việc

1. Mức hưởng và đối tượng hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc

Ngoài các nhà giáo được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định của pháp luật, Nghị định này quy định bổ sung một số trường hợp được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc với các mức như sau:

a) Mức 0,1 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với nhà giáo được giao thực hiện công tác tư vấn học sinh;

b) Mức 0,2 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với nhà giáo được giao nhiệm vụ tổ phó chuyên môn hoặc tổ phó bộ môn theo quy định của pháp luật; nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục không phải là trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo số giờ giảng hoặc tiết dạy người khuyết tật thực tế;

c) Mức 0,3 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với:

- Nhà giáo được cử làm các nhiệm vụ của nhà giáo cốt cán từ 05 ngày/tháng được hưởng phụ cấp trách nhiệm cho tháng đó;
- Nhà giáo được giao nhiệm vụ tổ trưởng chuyên môn hoặc tổ trưởng bộ môn hoặc tổ trưởng tổ quản lý học sinh theo quy định của pháp luật;
- Nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các khoa đào tạo tiếng dân tộc thiểu số tại cơ sở giáo dục đại học; nhà giáo giảng dạy môn học bằng ngoại ngữ (trừ nhà giáo dạy môn Ngoại ngữ);
- Nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục khác không phải cơ sở giáo dục đại học nếu đảm bảo số giờ dạy theo định mức, trong đó có số tiết dạy tiếng dân tộc thiểu số trung bình từ 04 tiết/tuần trở lên đối với giáo viên; trung bình từ 02 tiết/tuần dạy tiếng dân tộc thiểu số trở lên đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;
- Nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đang công tác tại trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;
- Nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục chuyên biệt trong các cơ sở giáo dục không phải là trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

2. Không áp dụng chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và tương đương đã được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Các hoạt động chuyên môn đã được giảm định mức tiết dạy, giờ giảng hoặc quy đổi ra tiết dạy, giờ giảng thì không được tính hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định tại Điều này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Cách tính, hưởng

a) Cách tính tiền phụ cấp trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục không phải là trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền phụ cấp} \\ \text{trách nhiệm} \\ \text{công việc} \end{array} = 0,2 \times \begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{cơ sở} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số giờ giảng hoặc tiết dạy người} \\ \text{khuyết tật thực tế trong tháng} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Định mức giờ giảng hoặc tiết dạy} \\ \text{của nhà giáo trong tháng} \end{array}}$$

Trong đó, định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong tháng = định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong một năm /12 tháng;

c) Phụ cấp trách nhiệm công việc được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính, đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Điều 8. Phụ cấp lưu động

1. Ngoài các đối tượng được hưởng theo quy định hiện hành của pháp luật, những trường hợp sau được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở theo số ngày thực tế lưu động:

- a) Nhà giáo được cử biệt phái;
- b) Nhà giáo dạy liên trường;
- c) Nhà giáo phải di chuyển để dạy ở các điểm trường hoặc phân hiệu.

2. Cách tính, hưởng phụ cấp lưu động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1. Ngoài các đối tượng được hưởng theo quy định hiện hành của pháp luật, nhà giáo dạy thực hành và nhà giáo vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trong một bài học/học phần/mô đun/môn học (sau đây gọi chung là nhà giáo dạy thực hành) tại phòng thực hành, xưởng thực hành của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ với những ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm nếu có một trong các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm:

- a) Tiếp xúc trực tiếp với chất độc, khí độc, bụi độc; dạy thực hành ở môi trường dễ bị lây nhiễm, mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định;
- b) Dạy thực hành trong môi trường chịu áp suất cao hoặc thiếu dưỡng khí, nơi quá nóng hoặc quá lạnh vượt quá tiêu chuẩn cho phép;
- c) Dạy thực hành những ngành, nghề học phát sinh tiếng ồn lớn hoặc ở nơi có độ rung liên tục với tần số cao vượt quá tiêu chuẩn an toàn lao động và vệ sinh lao động cho phép;
- d) Dạy thực hành ở môi trường có phóng xạ, tia bức xạ hoặc điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

3. Mức phụ cấp:

- a) Mức 0,1 áp dụng đối với nhà giáo dạy thực hành ngành, nghề học có một trong các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Mức 0,2 áp dụng đối với nhà giáo dạy thực hành ngành, nghề học có hai trong các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này;
- c) Mức 0,3 áp dụng đối với nhà giáo dạy thực hành ngành, nghề học có ba trong các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này;
- d) Mức 0,4 áp dụng đối với nhà giáo dạy thực hành ngành, nghề học có bốn yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cách tính, hưởng

a) Cách tính tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Riêng trường hợp nhà giáo quy định tại Điều này được tính theo số giờ dạy thực hành thực tế của ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, cụ thể như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tiền phụ cấp} & & \text{Mức phụ cấp} & & \text{Mức} & & \text{Số giờ dạy thực hành thực tế} \\ \text{nặng nhọc,} & & \text{nặng nhọc, độc} & & \text{lương} & & \text{của ngành, nghề học nặng nhọc,} \\ \text{độc hại, nguy} & = & \text{hại, nguy hiểm} & \times & \text{cơ sở} & \times & \text{độc hại, nguy hiểm trong tháng} \\ \text{hiểm} & & \text{được hưởng} & & & & \hline & & & & & & \text{Định mức giờ giảng hoặc tiết} \\ & & & & & & \text{dạy của nhà giáo trong tháng} \end{array}$$

Trong đó, định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong tháng = định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong một năm /12 tháng;

b) Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

5. Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm xác định mức phụ cấp đối với nhà giáo dạy thực hành quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản áp dụng

1. Trong thời gian nghỉ hè nhà giáo được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

2. Cơ sở giáo dục ngoài công lập có thể áp dụng quy định tại Nghị định này thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp đối với nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể chi trả các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này ở mức cao hơn.

4. Nhà giáo được giao nhiệm vụ tổ trưởng, tổ phó chuyên môn hoặc tổ trưởng, tổ phó bộ môn được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định tại Điều 8 Nghị định này và không được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo.

5. Viên chức trong các trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập mà không phải nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc mức 0,3. Cách tính tiền phụ cấp trách nhiệm công việc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, hệ số lương đặc thù tiếp tục được thực hiện; việc chuyển xếp từ lương cũ sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Bãi bỏ quy định về phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

4. Bãi bỏ quy định tại Điều 6 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Trường hợp các cơ sở giáo dục trong nội dung quy định tại Nghị định này có sự điều chỉnh về tên gọi thì thực hiện theo tên gọi mới theo quy định của pháp luật.

6. Chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo dục, đơn vị sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định chính sách tiền lương,
chế độ phụ cấp đối với nhà giáo**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo (dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị**

Nghị quyết số 29-NQ/TW¹: Xác định phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT là một trong 09 nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, trong đó khẳng định nhà nước cần “*Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục... Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng*”.

Kết luận số 91-KL/TW: Bộ Chính trị yêu cầu các cơ quan tập trung thực hiện tốt 08 nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ “*Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài làm việc trong ngành Giáo dục; thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng*”.

Nghị quyết số 71-NQ/TW²: Bộ Chính trị nêu nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó “*Có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo; nâng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông lên tối thiểu 70% cho giáo viên, tối thiểu 30% cho nhân viên, 100% cho giáo viên ở khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng chính sách phù hợp để huy động được người giỏi ngoài lực lượng nhà giáo tham gia giảng dạy, huấn luyện trong các cơ sở giáo dục; thực hiện chế độ giảng viên đồng cơ hữu cho những người giỏi đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập; có cơ chế khuyến khích huy động người giỏi chủ trì các hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục*”.

¹ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “*Về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”

² Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Nghị quyết số 27-NQ/TW: Khẳng định 04 quan điểm chỉ đạo, trong đó có quan điểm “*Chính sách tiền lương là một chính sách đặc biệt quan trọng của hệ thống chính sách kinh tế - xã hội. Tiền lương phải thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương; trả lương đúng là đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội; thúc đẩy, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững*”.

Theo đó, sẽ thiết kế cơ cấu tiền lương mới gồm: Lương cơ bản (chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương) và các khoản phụ cấp (chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương); xây dựng 01 bảng lương chức vụ; xây dựng 01 bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức áp dụng chung đối với công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo. Tuy nhiên, khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận 83-KL/TW ngày 21/6/2024 thì chính sách tiền lương mới tạm thời chưa triển khai thực hiện. Đồng thời, Bộ Chính trị giao Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu và quyết định việc sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp và chế độ đặc thù của lực lượng vũ trang, chế độ phụ cấp của cán bộ, công chức, viên chức một số chuyên ngành, nhất là phụ cấp theo nghề mà trong quá trình thực hiện có phát sinh bất hợp lý.

2. Cơ sở pháp lý

Tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo ở cơ sở giáo dục công lập được quy định tại Luật Nhà giáo như sau:

“a) *Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp;*

b) *Phụ cấp ưu đãi nghề và phụ cấp khác theo tính chất công việc, theo vùng theo quy định của pháp luật;*

c) *Nhà giáo cấp học mầm non; nhà giáo công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt; nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập; nhà giáo ở một số ngành, nghề đặc thù được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn so với nhà giáo làm việc trong điều kiện bình thường.”* (khoản 1 Điều 23)

Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết về tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo (khoản 4 Điều 23).

3. Cơ sở thực tiễn

Tiền lương của nhà giáo đang được chi trả theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP³ và được áp dụng theo Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, hưởng mức lương khởi điểm tương ứng với quy định về trình độ đào tạo (loại B đối với trình độ trung cấp, loại A0 đối với trình độ cao đẳng, loại A1, A2, A3 đối

³ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

với từ trình độ đại học trở lên). Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Tờ trình này.

Ngoài lương, nhà giáo còn được hưởng một số loại phụ cấp như sau: phụ cấp thâm niên nhà giáo; phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy các cấp học, môn học, đối tượng dạy học và theo vùng miền công tác với các mức từ 25% - 70%. Ngoài ra, nhà giáo công tác tại các trường chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn còn được hưởng một số loại phụ cấp, trợ cấp tương ứng⁴. Bên cạnh đó, ở một số vị trí việc làm, đối với một số loại công việc, nhà giáo còn được chi trả thêm các khoản phụ cấp, trợ cấp, thù lao khác như phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, phụ cấp lưu động, chính sách ưu đãi trong giáo dục hòa nhập... Các loại phụ cấp, trợ cấp này góp phần cải thiện thu nhập, tạo động lực để nhà giáo yên tâm công tác, nhất là nhà giáo công tác tại các vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo còn một số bất cập như sau:

3.1. Liên quan đến chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp

a) Thứ nhất, chưa thực hiện được chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong thang bậc lương hành chính sự nghiệp

Bảng lương áp dụng cho viên chức nói chung gồm có 10 thang lương (từ viên chức loại C3 đến A3.1)⁵ với các bậc từ 1 đến 12 (số bậc tùy loại viên chức). Tuy nhiên, thực trạng xếp lương đối với các chức danh nhà giáo như sau:

- Chỉ có 03 chức danh nhà giáo được áp dụng lương của viên chức loại A3 (gồm A3.2 và A3.1 là 2 thang lương cao nhất) là giảng viên đại học cao cấp (bao gồm cả chức danh giáo sư và phó giáo sư), giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp, giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp, chiếm tỷ lệ khoảng **1,17%** so với tổng số nhà giáo. Trong khi các ngành, lĩnh vực khác đều có khoảng **10%** viên chức được áp dụng lương của viên chức loại A3. Cụ thể:

STT	Cấp học, trình độ đào tạo	Số lượng tổng ước khoảng	Số lượng hưởng lương A3 ước khoảng	Ghi chú
1	Giảng viên đại học	67.300	6.730	A3.1
2	Giảng viên GDNN	36.000	3.600	A3.1
3	Giáo viên GDNN	36.500	3.650	A3.2
4	Giáo viên THPT	132.200	0	
5	Giáo viên GDTX	10.000	0	
6	Giáo viên DBĐH	400	0	
7	Giáo viên THCS	278.000	0	
8	Giáo viên tiểu học	370.000	0	
9	Giáo viên mầm non	266.000	0	

⁴ Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ quy định về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ quy định về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

⁵ 10 thang lương sắp xếp theo từ thấp đến cao, tương ứng với từ thang 1 đến thang 10 là C1, C2, C3, B, A0, A1, A2.2, A2.1, A3.2, A3.1

	Tổng cộng	1.196.400	13.980	1,17%
--	------------------	------------------	---------------	--------------

Trong khi đó, nhiệm vụ của tất cả viên chức hạng I nói chung cũng giống với nhiệm vụ của nhà giáo cao cấp (hạng I) là xây dựng tài liệu, hướng dẫn viên chức các hạng thấp hơn; làm ban giám khảo, ban ra đề hoặc hướng dẫn tại các cuộc thi, hội thi; là nhóm tiên phong trong việc xây dựng, triển khai các định hướng đổi mới của ngành... và đặc biệt là *không yêu cầu nhiệm vụ hoạch định chính sách* như công chức.

- Lương của hầu hết nhà giáo (trừ giảng viên cao đẳng, đại học, giáo viên giáo dục nghề nghiệp) đang xếp thấp hơn viên chức các ngành khác như y tế (bác sĩ, dược sĩ), xây dựng (kiến trúc sư, thẩm kế viên), giao thông vận tải (kỹ thuật viên đường bộ, quản lý, bảo trì công trình...), tư pháp (lý lịch viên...), văn hóa – thể thao (đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, huấn luyện viên...), khoa học công nghệ (nghiên cứu viên, kỹ sư), thông tin truyền thông (phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình).

Viên chức các ngành khác đều được phân loại thành 3 – 4 hạng (từ hạng IV đến hạng I), hưởng lương từ A1 – A2.1 – A3.1 (tương ứng với thang lương 6 – 8 – 10). Trong đó, trừ y tế và khoa học, công nghệ các ngành, lĩnh vực khác chỉ yêu cầu trình độ đào tạo chung của viên chức từ hạng III đến hạng I là **đại học**.

Trừ giảng viên đại học, cao đẳng và giáo viên giáo dục nghề nghiệp, nhà giáo cũng được phân loại thành 3 – 4 hạng (từ hạng IV đến hạng I), hầu hết đang hưởng lương từ A0 – A1 – A2.2 – A2.1 (tương ứng với thang lương 5 – 6 – 7 – 8) là giáo viên mầm non, phổ thông, dự bị đại học, giáo dục thường xuyên (chiếm tỷ lệ khoảng 88% so với tổng số nhà giáo).

- Điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo quy định “*nhà giáo mầm non... được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn so với nhà giáo làm việc trong điều kiện bình thường*”. Tuy nhiên, hiện tại lương của giáo viên mầm non đang xếp thấp nhất so với các chức danh nhà giáo khác (A0 – A1 – A2) và gần như xếp thấp nhất so với các viên chức các ngành, lĩnh vực khác.

Trong khi đó, theo Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học “*Nghiên cứu hiện trạng điều kiện lao động của giáo viên bậc học mầm non làm cơ sở đề xuất xếp loại danh mục nghề nặng nhọc độc hại, nguy hiểm*” do Viện Khoa học an toàn và vệ sinh lao động, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu, điểm đánh giá về điều kiện lao động của giáo viên mầm non là 3,69 nằm trong khoảng điểm từ 3,37 – 4,56 tương ứng với điều kiện lao động loại IV – công việc có điều kiện lao động loại IV là nghề, công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm.

Thậm chí, hiện còn có giáo viên GDNN chỉ được xếp ở thang lương 4 với hệ số lương khởi điểm 1,86, tiền lương theo hệ số của giáo viên GDNN mới vào nghề là 4.352.400 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Tờ trình này)

b) Thứ hai, bất cập trong việc thiết kế bảng lương viên chức

Quy định về tiền lương được áp dụng chung đối với tất cả viên chức các

ngành/lĩnh vực dẫn đến việc không thể hiện được mức độ phức tạp của từng ngành, nghề khác nhau.

Chênh lệch về hệ số lương giữa bảng lương của viên chức chưa có sự tương đồng, có bảng lương chênh lệch giữa hệ số lương khởi điểm của bảng quá ít, hoặc có bảng lương chênh giữa hệ số lương khởi điểm có khoảng cách khá xa. Chẳng hạn loại A0 (2,10) với A1 (2,34) và giữa A2.2 (4,0) với A2.1 (4,4) có chênh lệch hệ số lương khởi điểm rất ít. Nên chưa tạo động lực cho giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì việc trả lương phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và nguồn trả lương (từ ngân sách nhà nước cấp hoặc hỗ trợ và từ các nguồn thu theo quy định của pháp luật dùng để trả lương) của cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, thực tế cách trả lương theo các bảng – loại – bậc như hiện hành thì việc trả lương đang căn cứ theo chức danh được bổ nhiệm – trình độ đào tạo – thâm niên công tác.

Lương của nhà giáo mới vào nghề và nhà giáo lâu năm có khoảng cách chênh lệch lớn (hệ số cao hơn, phụ cấp thâm niên cao hơn, phụ cấp ưu đãi nghề tuy bằng nhau nhưng tính theo hệ số lương nên càng cách biệt) trong khi cùng thực hiện các nhiệm vụ về cơ bản giống nhau.

c) Một số quy định chế độ phụ cấp đối với nhà giáo chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ

- Nhà giáo được giao nhiệm vụ tổ trưởng/tổ phó chuyên môn hoặc tổ trưởng/tổ phó bộ môn mặc dù vẫn đang được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT⁶ từ mức 0,15 đến 0,3 tùy từng vị trí. Tuy nhiên, trong quy định về danh mục vị trí việc làm chức vụ quản lý không có tổ trưởng/tổ phó chuyên môn hoặc tổ trưởng/tổ phó bộ môn, do đó, việc chi trả phụ cấp chức vụ lãnh đạo là chưa phù hợp và cần quy định phụ cấp trách nhiệm công việc để thay thế.

- Giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên hiện đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT⁷. Tuy nhiên, giảng viên dạy tiếng dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học không được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc. Trong khi đó, bảo tồn tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số là một trong những nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đang chú trọng để tránh làm mai một, đánh mất giá trị truyền thống này.

- Để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên và để sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có, nhiều giáo viên được cử đi dạy biệt phái hoặc dạy liên trường giữa các cơ sở giáo dục hoặc được điều động sang cơ sở giáo dục khác. Đồng thời, nhiều

⁶ Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập

⁷ Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên

cơ sở giáo dục có nhiều điểm trường, giáo viên phải di chuyển giữa các điểm trường để giảng dạy. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, những giáo viên này không thuộc đối tượng được hưởng phụ cấp lưu động cho những ngày phải di chuyển.

3.2. Liên quan đến chính sách ưu đãi nhà giáo

Tình trạng thiếu giáo viên còn diễn ra ở nhiều địa phương (đặc biệt là giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập) do số học sinh tăng nhanh trong khi địa phương phải thực hiện tinh giản biên chế theo quy định; thiếu giáo viên ở một số môn học như tin học, ngoại ngữ, nghệ thuật do thiếu nguồn tuyển, do những người học chuyên ngành này có cơ hội tìm kiếm việc làm ở các ngành nghề khác với mức thu nhập cao hơn là trở thành nhà giáo; hoặc thiếu giáo viên công tác ở các trường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...

Tính đến tháng 4/2025, cả nước còn thiếu 102.097 giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông trong biên chế so với định mức quy định của Bộ GD&ĐT (trong đó mầm non thiếu 30.057, tiểu học thiếu 22.255, THCS thiếu 30.702, THPT thiếu 19.083).

Trong khi đó, một loạt các chủ trương mới đòi hỏi ngành Giáo dục cần nhiều hơn số lượng giáo viên đứng lớp và chất lượng giáo viên ngày càng phải tăng cao. Đó là việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội; lộ trình dạy học 2 buổi/ngày theo chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025; tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024...

Bên cạnh đó, trong 3 năm học, tính từ tháng 8.2020 - tháng 8.2023, cả nước có trên 40.000 giáo viên nghỉ việc, chuyển việc; giáo viên nghỉ việc độ tuổi dưới 35 chiếm tới 60% tổng số giáo viên nghỉ việc. Tính từ tháng 8.2023 đến tháng 4.2024 có 7.215 giáo viên nghỉ việc, trong đó số giáo viên bỏ nghề ở bậc mầm non chiếm tỷ lệ cao (khoảng 1.600 giáo viên, chiếm tỷ lệ khoảng 22%) và giảm dần theo các cấp học từ thấp đến cao.

Như đã nêu ở trên, nhà giáo được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề từ 25% đến 70%, trong đó, phần lớn nhà giáo chỉ hưởng mức phụ cấp 25% - 35% (khoảng 76%) tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng, thành phố nơi có mức sống cao hơn các vùng khác; các mức cao hơn chỉ áp dụng với các trường hợp đặc thù như: nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng hưởng 45%; nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các trường mầm non, tiểu học ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa hưởng 50%; nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đang công tác ở trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông (THPT) chuyên, trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật và trường giáo dưỡng được hưởng 70%... Bên cạnh đó, nhà giáo tham gia giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ 5 năm (60 tháng) được tính hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng

cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Từ năm thứ sáu trở đi, mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.

Như vậy, nhà giáo mới vào nghề trong 05 năm công tác đầu chỉ được hưởng lương theo hệ số lương và phụ cấp ưu đãi, chưa có phụ cấp thâm niên nên tổng thu nhập vẫn còn thấp, do đó, còn có khoảng cách chênh lệch xa so với giáo viên lâu năm dù các nhiệm vụ cơ bản như nhau. Cụ thể, mức lương thấp nhất của giáo viên mầm non khoảng 6,6 triệu đồng, giáo viên tiểu học khoảng 7,3 triệu đồng, giáo viên trung học cơ sở (THCS), THPT, dự bị đại học khoảng 7,1 triệu đồng; có khoảng cách quá xa so mức lương cao nhất của nhà giáo, tương ứng lần lượt là 20,6 triệu, 24,6 triệu, 28,5 triệu và 30,5 triệu; thấp hơn mức lương trung bình 7,7 triệu đồng của người lao động năm 2024.

Thu nhập chưa đảm bảo đủ sống cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến tình trạng giáo viên nghỉ việc có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây, nhất là đối với đội ngũ giáo viên trẻ có độ tuổi dưới 35 như đã nêu ở trên.

Mặc dù, Đảng và Nhà nước quan tâm đến chế độ, chính sách đối với nhà giáo, nhưng thực tế cho thấy các chế độ, chính sách hiện hành chưa thực sự thu hút được những học sinh giỏi đăng ký học ngành sư phạm; chưa thu hút được nhà khoa học trẻ, người có tài năng, người giỏi ở ngoài ngành sư phạm trở trở thành nhà giáo; chưa thực sự giữ chân được nhà giáo giỏi, nhà giáo công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn... Do đó, rất cần có những chính sách đột phá, vượt trội trong quy định về tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo để bảo đảm ổn định số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo..

** Vì vậy, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp bảo đảm căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý và hoàn toàn cần thiết để khắc phục những bất cập còn tồn tại trong thực tiễn, để xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo.*

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Cụ thể hóa chủ trương, định hướng tại các Nghị quyết của Đảng về tiền lương, phụ cấp đối với nhà giáo.
- Hướng dẫn thi hành Luật Nhà giáo về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo quy định tại khoản 4 Điều 23.
- Góp phần thu hút người giỏi trở thành nhà giáo, tạo động lực để nhà giáo an tâm công tác, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Xây dựng Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật; bảo đảm các nguyên tắc về bình đẳng giới và không làm phát sinh quy định thủ tục hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng Nghị định bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp

luật về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, có một số điểm đáng chú ý sau:

- Đã đăng tải dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến rộng rãi của công dân và nhận được ... ý kiến.

- Đã được các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan tham gia góp ý (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp...).

- Đã nhận được ý kiến của ... cơ sở đào tạo, ... tỉnh/thành phố đối với hồ sơ Nghị định và có ...% số người tham gia góp ý nhất trí với các dự kiến quy định tại Nghị định.

Bộ GDĐT đã cầu thị, nghiêm túc tiếp thu các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ Nghị định.

- Đã rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật và rà soát các quy định về thủ tục hành chính... Qua quá trình nghiên cứu, rà soát, Bộ GDĐT nhận thấy các nội dung quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính và không làm phát sinh các vấn đề về giới.

- Đã được Bộ Tư pháp thẩm định, nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định và đánh giá dự thảo Nghị định phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 203/2025/QH15; cơ bản đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật; không làm phát sinh thủ tục hành chính; không trực tiếp phát sinh vấn đề về giới; dự thảo Nghị định được xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ gửi thẩm định cơ bản đầy đủ theo quy định. Đồng thời, có ... ý kiến cụ thể và đã được Bộ GDĐT tiếp thu.

- Đã trình Chính phủ tại Tờ trình số ...

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

b) Đối tượng áp dụng: Nhà giáo được tuyển dụng làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm có 4 Chương 12 Điều:

- Chương I - Quy định chung: Gồm 02 Điều quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- Chương II - Chính sách tiền lương đối với nhà giáo: Gồm 03 Điều quy định về bảng lương áp dụng đối với nhà giáo, hệ số lương đặc thù đối với nhà giáo, công thức tính mức lương và phụ cấp đối với nhà giáo.

- Chương III - Chế độ phụ cấp đối với nhà giáo: Gồm 04 Điều quy định nguyên tắc thực hiện chế độ phụ cấp đối với nhà giáo, phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp lưu động, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Chương IV - Điều khoản thi hành: Gồm 03 Điều quy định điều khoản áp dụng, hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bảng lương hành chính sự nghiệp theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW; tiến tới thực hiện chủ trương trả lương theo vị trí việc làm theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; thể chế hóa yêu cầu có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo theo Nghị quyết số 71-NQ/TW; hoàn thiện quy định về phụ cấp theo Kết luận số 83-KL/TW; cụ thể hóa chính sách tiền lương, phụ cấp quy định tại Điều 23 Luật Nhà giáo:

- Quy định bảng lương đối với nhà giáo: Điều 3 dự thảo Nghị định;
- Quy định về hệ số lương đặc thù: Điều 4 dự thảo Nghị định;
- Quy định về chế độ phụ cấp: Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 dự thảo Nghị định.

3.2. Vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp

a) Vấn đề chưa được pháp luật quy định

Trước khi Chính phủ quy định chính sách tiền lương mới, việc trả lương vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP. Nhà giáo vẫn thực hiện sắp xếp lương theo các viên chức các ngành, lĩnh vực khác chưa thực hiện được chính sách “*Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp*” tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo như đã nêu ở mục I-3-3.1. Do đó, Bộ GDĐT đề xuất quy định hệ số lương đặc thù mức 1,25 đối với giáo viên mầm non và 1,15 đối với các nhà giáo khác. Riêng nhà giáo giảng dạy tại trường, lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; trường phổ thông liên cấp nội trú tiểu học, trung học cơ sở vùng biên giới đất liền được hưởng thêm 0,05 so với mức quy định. Chi tiết tại Điều 4 dự thảo Nghị định.

Theo đó, hệ số lương đặc thù có sự khác biệt giữa giáo viên mầm non, nhà giáo công tác tại các trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường liên cấp nội trú tiểu học, THCS tại vùng biên giới đất liền⁸ (tăng hơn 0,05 so với nhà giáo cấp học tương ứng) bảo đảm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo⁹.

⁸ Việc xây dựng trường thực hiện theo chủ trương của Bộ Chính trị tại Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 về chủ trương xây dựng trường học cho các xã biên giới.

⁹ Điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo: “Nhà giáo cấp học mầm non; nhà giáo công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhà giáo dạy trường

Theo quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ được phong quân hàm thiếu úy. Theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, thiếu úy được hưởng hệ số lương 4,20 (cao gấp khoảng gần 1,8 lần so với mức lương 2,34 của giáo viên tốt nghiệp trình độ đại học), sau 02 năm giữ quân hàm thiếu úy được thăng quân hàm trung úy và hưởng hệ số lương 4,60 (cao gấp khoảng gần 2 lần so với mức lương 2,34 của giáo viên – sau 02 năm công tác, giáo viên vẫn đang giữ hệ số lương 2,34), sau 03 năm giữ quân hàm trung úy được thăng quân hàm thượng úy và hưởng hệ số lương 5,00 (sau 05 năm công tác thì hệ số lương được hưởng cao gấp khoảng gần 1,9 lần so với mức lương 2,67 của giáo viên). Bên cạnh đó, mức lương của đại tá (sau nâng) là 11,00 so với mức lương cao nhất của giáo viên cao cấp (viên chức loại A3.1, hệ số lương 8,00) thì lương của đại tá cao gấp khoảng 1,38 lần. Như vậy, việc quy định hệ số lương đặc thù đối với nhà giáo vẫn bảo đảm lương của nhà giáo thấp hơn lương của lực lượng vũ trang.

Trước thời điểm năm 2025, nhiều Bộ, ngành đang được hưởng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Chẳng hạn như (1) mức chi tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong tổ chức Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, người lao động thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp của ngành lao động - thương binh và xã hội bằng 1,8 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (hiện vẫn đang được thực hiện cho đến ngày 30/6/2025 theo Nghị quyết 62/2024/UBTVQH15); (2) Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan áp dụng không vượt quá 1,8 lần và chi bổ sung thu nhập từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên không vượt quá 0,2 lần so với mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định... Như vậy, việc quy định cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù đã có tiền lệ đối với viên chức các ngành, lĩnh vực khác.

Đánh giá tác động: Quy định về hệ số lương đặc thù giúp tiến tới hiện thực hóa chính sách “*Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp*” trong bối cảnh Chính phủ chưa quy định chính sách tiền lương mới, việc trả lương vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

b) Vấn đề đã có quy định nhưng chưa phù hợp

Chức danh giáo sư là chức danh cao nhất của giảng viên, nhưng hiện đang xếp lương chung với phó giáo sư và các chức danh giảng viên cao cấp hạng I khác, mặc dù đã được xếp cao hơn 1 bậc khi bổ nhiệm chức danh giáo sư nhưng việc sử dụng chung thang lương chưa thể hiện được cấp bậc, vị trí, vai trò dẫn dắt chuyên môn, khai phá và sáng tạo tri thức mới của giáo sư. Do đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất điều chỉnh bảng lương đối với giáo sư theo hướng áp dụng bảng lương

chuyên biệt; nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập; nhà giáo ở một số ngành, nghề đặc thù được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn so với nhà giáo làm việc trong điều kiện bình thường”.

chuyên gia cao cấp (3 bậc: 8,8 – 9,4 – 10,0).

Đánh giá tác động:

Giáo sư được xếp lương của chuyên gia cao cấp bảo đảm thực hiện được chủ trương “*Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp*”.

Hiện nay, đối tượng được áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp theo Nghị định số 92/2025/NĐ-CP ngày 25/4/2025 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm chuyên gia cao cấp theo Quy định số 180-QĐ/TW ngày 11/7/2024 của Ban Bí thư về chuyên gia cao cấp, gồm (1) Cán bộ, công chức, viên chức; (2) Người đã nghỉ hưu, người làm việc ngoài hệ thống chính trị (người không thuộc biên chế của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bao gồm cả người Việt Nam và người nước ngoài).

Giáo sư hiện đang là chức danh cao nhất, thể hiện năng lực, uy tín khoa học và vai trò dẫn dắt chuyên môn, khai phá và sáng tạo tri thức mới đối với lĩnh vực được bổ nhiệm chức danh giáo sư; là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp đối với các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Như vậy, xét theo tiêu chuẩn, điều kiện của chuyên gia cao cấp theo Quy định số 180-QĐ/TW thì giáo sư cũng có sự tương đồng với chuyên gia cao cấp. Do đó, dù không khẳng định giáo sư là chuyên gia cao cấp nhưng việc áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp đối với giáo sư là phù hợp với vị trí, vai trò của giáo sư đối với sự phát triển đối với lĩnh vực được bổ nhiệm chức danh giáo sư.

3.3. Vương mắc, bắt cập từ thực tiễn

- ***Thứ nhất***, việc chi trả phụ cấp trách nhiệm công việc đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, có giáo viên, cán bộ quản lý trường chuyên biệt, giáo viên làm tổng phụ trách Đội thuộc đối tượng được chi trả tiền phụ cấp trách nhiệm công việc. Để phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo, Bộ GDĐT đề xuất bổ sung đối tượng hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo cốt cán, tổ trưởng/tổ phó chuyên môn/bộ môn, nhà giáo được giao thực hiện công tác tư vấn học sinh, nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số (Điều 8 dự thảo Nghị định).

Đánh giá tác động:

+ Hiện tại các vị trí tổ trưởng hoặc tổ phó chuyên môn/bộ môn ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cơ sở GDNV, đại học đang được chi trả phụ cấp chức vụ lãnh đạo, tuy nhiên, theo quy định về bổ nhiệm viên chức quản lý và quy định về danh mục vị trí việc làm chức vụ, lãnh đạo thì tổ trưởng hoặc tổ phó chuyên môn/bộ môn không phải là vị trí chức vụ, lãnh đạo. Do đó, việc chi trả phụ cấp chức vụ lãnh đạo không phù hợp. Để bảo đảm quyền lợi cho đội ngũ này và bảo đảm phù hợp với trách nhiệm của vị trí việc làm, việc quy định hưởng phụ cấp trách nhiệm là phù hợp.

+ Theo quy định tại Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT¹⁰, phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang được chi trả đối với các vị trí tổ trưởng hoặc tổ phó chuyên môn/bộ môn từ mức 0,15 đến 0,3 tùy từng vị trí. Tuy nhiên, theo Thông tư số 05/2005/TT-BNV, chỉ có 4 mức phụ cấp trách nhiệm công việc là 0,1, 0,2, 0,3, 0,5. Do đó, khi chuyển từ mức 0,15 lên mức 0,2 và 0,25 lên mức 0,3 chênh lệch 0,05 so với mức lương cơ sở là 117.000 đ sẽ làm phát sinh ngân sách chi trả.

+ Quy định đối với nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số đang thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 32/2021/TT-BGD&ĐT. Tuy nhiên, để bảo đảm thống nhất về các đối tượng nhà giáo được hưởng phụ cấp trách nhiệm trong cùng 01 văn bản quy định và bảo đảm đúng thẩm quyền của Chính phủ trong việc quy định về chế độ, chính sách; đồng thời, quy định phụ cấp trách nhiệm với các đối tượng trên liên quan đến các Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ nên việc Chính phủ quy định tại Nghị này là phù hợp.

- ***Thứ hai***, theo quy định tại Thông tư số 06/2005/TT-BNV¹¹, chỉ có nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (kể cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và những người trong thời gian thử việc) công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đang làm chuyên trách về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mà trong tháng có từ 15 ngày trở lên đi đến các thôn, bản, phum, sóc thì mới được hưởng phụ cấp lưu động. Tuy nhiên, theo thực tế yêu cầu của công tác GD&ĐT, hiện có các đối tượng nhà giáo khác như đề xuất bổ sung ở trên phải di chuyển giữa các cơ sở giáo dục để thực hiện nhiệm vụ. Nhà giáo dạy liên trường chính thức được quy định tại Luật Nhà giáo để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy, nhà giáo dạy ở các điểm trường do các cơ sở giáo dục có sự sắp xếp lại để giảm đầu mối theo yêu cầu quản lý. Do đó, Bộ GD&ĐT đề xuất bổ sung đối tượng hưởng phụ cấp lưu động ở mức 0,2 gồm có nhà giáo được cử biệt phái; nhà giáo dạy tăng cường, dạy liên trường; nhà giáo phải di chuyển để dạy ở các điểm trường hoặc phân hiệu đặt tại các thôn, bản, phum, sóc (Điều 9 dự thảo Nghị định).

Ngoài ra, quy định về phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo giảng dạy người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được tích hợp tại Nghị định này để bảo đảm các chính sách được quy định tập trung, không tản mác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu và tổ chức thực hiện.

Đánh giá tác động: Phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Nghị định không quy định thủ tục hành chính, không làm phát sinh thủ tục hành chính và không có nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

¹⁰ Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập

¹¹ Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức

3.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

Nghị định này không quy định về phân quyền, phân cấp, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị định quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, dự thảo Nghị định có bổ sung, điều chỉnh một số nội dung để bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, tuân thủ quy định của pháp luật. Cụ thể như sau...

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Việc điều chỉnh xếp lương đối với giáo sư và quy định hệ số lương đặc thù sẽ làm phát sinh chi phí chi trả, cụ thể như sau:

1. Đối với quy định điều chỉnh bảng lương áp dụng đối với giáo sư

Theo số liệu thống kê năm học 2023 – 2024, số lượng giáo sư hiện là 668 người (trong đó có 473 giáo sư trong cơ sở giáo dục công lập và 195 giáo sư trong cơ sở giáo dục ngoài công lập) chiếm tỷ lệ xấp xỉ 0,79% so với số lượng giảng viên đại học. Các trường hợp này hiện đang được áp dụng bảng lương của chuyên viên cao cấp với hệ số lương từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00 như vậy, nếu được áp dụng bảng lương của chuyên gia cao cấp thì sẽ được xếp sang hệ số lương 8,8 và với mức chênh lệch trung bình là 1,7, tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đ thì chi phí phát sinh trong 01 tháng đối với tiền lương cơ bản là $1,7 \times 2.340.000 \text{ đ} \times 473 \text{ người} = 1.881.594.000 \text{ đ}$ (chỉ tính công lập). Tuy nhiên, về cơ bản, các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu có chức danh giáo sư đang tự chủ chủ yếu mức độ 3, 2 và tiền tới sẽ tăng mức tự chủ, do đó, tiền lương chi trả cho giáo sư về cơ bản không làm phát sinh nhiều ngân sách nhà nước.

2. Đối với quy định hệ số lương đặc thù

Ngân sách phát sinh chủ yếu cho đối tượng là giáo viên mầm non, phổ thông do chiếm số lượng lớn nhà giáo và các cơ sở giáo dục khác hiện đang tự chủ mức độ 3, mức độ 2. Theo đó, ngân sách phát sinh khoảng **1.652** tỷ đồng/tháng.

3. Đối với quy định về phụ cấp

Chi phí phát sinh để chi trả phụ cấp lưu động cho các đối tượng bổ sung khoảng 5,5 tỷ/tháng, 50 tỷ/năm.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Như đã nêu ở trên, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được Bộ GDĐT tiếp thu, giải trình đầy đủ. Đồng thời, tất cả các ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan Trung ương, các tỉnh/thành phố, các cơ sở đào tạo và các đối tượng chịu tác động của chính sách cũng đã được Bộ GDĐT rà soát, nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện và có một số ý kiến giải trình. Ý kiến góp ý của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính cũng đã được Bộ GDĐT nghiên cứu, tiếp thu và làm rõ trong quy định tại Dự thảo.

Tính đến thời điểm hiện tại, các nội dung dự kiến quy định tại Nghị định

quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo đã được Bộ GDĐT hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu các ý kiến góp ý. Như vậy, hiện tại không còn nội dung khác nhau cần xin ý kiến. Bộ GDĐT kính trình Chính phủ cho ý kiến thông qua Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp, chính sách hỗ trợ, thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo, Bộ GDĐT xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc ban hành.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này:

- Dự thảo Nghị định;
- Những nội dung bổ sung mới so với dự thảo văn bản gửi thẩm định;
- Tờ trình số .../TTr-BGDĐT ngày ...)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Vụ Kinh tế tổng hợp (để p/h);
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, NGCBQLGD (1b), Trang (5b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

PHỤ LỤC 1
BẢNG LƯƠNG HIỆN HÀNH CỦA NHÀ GIÁO

Cấp học	Hạng CDNN	Bảng lương	Hệ số khởi điểm	Mức lương cao nhất khoảng	Mức lương thấp nhất khoảng
Mầm non	hạng III	A0	2,10		6.600.000 đ giáo viên hạng III, hệ số lương 2,10, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 0%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 35%
	hạng II	A1	2,34		
	hạng I	A2.2	4,00	20.600.000 đ giáo viên hạng I, hệ số lương khoảng 4,68, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo khoảng 19%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%	
Tiểu học	hạng III	A1	2,34		7.300.000 đ giáo viên hạng III, hệ số lương 2,34, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 0%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 35%
	hạng II	A2.2	4,00		
	hạng I	A2.1	4,40	24.600.000 đ giáo viên hạng I, hệ số lương khoảng 5,42, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo khoảng 24%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%	
THCS	hạng III	A1	2,34		7.100.000 đ giáo viên hạng III, hệ số lương 2,34, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 0%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 30%
	hạng II	A2.2	4,00		
	hạng I	A2.1	4,40	28.500.000 đ giáo viên hạng I, hệ số lương khoảng 6,10, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo khoảng 30%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%	
THPT, dự bị	hạng III	A1	2,34		7.100.000 đ

Cấp học	Hạng CDNN	Bảng lương	Hệ số khởi điểm	Mức lương cao nhất khoảng	Mức lương thấp nhất khoảng
đại học					giáo viên hạng III, hệ số lương 2,34, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 0%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 30%
	hạng II	A2.2	4,00		
	hạng I	A2.1	4,40	30.500.000 đ giáo viên hạng I, hệ số lương khoảng 6,44, mức phụ cấp thâm niên nhà giáo khoảng 33%, mức phụ cấp ưu đãi theo nghề 70%	

PHỤ LỤC 2
BẢNG SO SÁNH VIỆC XẾP LƯƠNG VIÊN CHỨC NHÀ GIÁO
VỚI VIÊN CHỨC MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

Thang lương	Loại viên chức	Giáo dục	Y tế (bác sĩ, dược sĩ)	Xây dựng (kiến trúc sư, kỹ sư)	Văn hóa, thông tin (đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, huấn luyện viên, phóng viên, biên dịch viên, ...)	Khoa học công nghệ (nguyên cứu viên, kỹ sư)
10	A3.1	Giảng viên cao cấp (hạng I) Giảng viên cao đẳng cao cấp (hạng I) Giảng viên GDDN cao cấp	Bác sĩ cao cấp (hạng I) Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) Dược sĩ cao cấp	Kiến trúc sư hạng I Kỹ sư cao cấp	Đạo diễn nghệ thuật hạng I Diễn viên hạng I Biên tập viên hạng I Phóng viên hạng I Biên dịch viên hạng I Đạo diễn truyền hình hạng I Họa sĩ hạng I Huấn luyện viên cao cấp (hạng I)	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) Kỹ sư cao cấp (hạng I)
9	A3.2	Giáo viên GDDN cao cấp				
8	A2.1	Giảng viên chính (hạng II) Giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II) Giảng viên GDDN chính Giáo viên tiểu học hạng I Giáo viên THCS hạng I Giáo viên THPT hạng I Giáo viên dự bị đại học hạng I	Bác sĩ chính (hạng II) Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) Dược sĩ chính	Kiến trúc sư hạng II Kỹ sư chính	Đạo diễn nghệ thuật hạng II Diễn viên hạng II Biên tập viên hạng II Phóng viên hạng II Biên dịch viên hạng II Đạo diễn truyền hình hạng II Họa sĩ hạng II Huấn luyện viên chính (hạng II)	Nghiên cứu viên chính (hạng II) Kỹ sư chính (hạng II)
7	A2.2	Giáo viên mầm non hạng I Giáo viên tiểu học hạng II Giáo viên THCS hạng II				

Thang lương	Loại viên chức	Giáo dục	Y tế (bác sĩ, dược sĩ)	Xây dựng (kiến trúc sư, kỹ sư)	Văn hóa, thông tin (đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, huấn luyện viên, phóng viên, biên dịch viên, ...)	Khoa học công nghệ (nghiên cứu viên, kỹ sư)
6	A1	Giáo viên THPT hạng II Giáo viên dự bị đại học hạng II Giảng viên (hạng III) Giảng viên cao đẳng sư phạm (hạng III) Giảng viên GDNN lý thuyết Giáo viên GDNN lý thuyết Giáo viên mầm non hạng II Giáo viên tiểu học hạng III Giáo viên THCS hạng III Giáo viên THPT hạng III Giáo viên dự bị đại học hạng III	Bác sĩ (hạng III) Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) Dược sĩ	Kiến trúc sư hạng III Kỹ sư	Đạo diễn nghệ thuật hạng III Diễn viên hạng III Chức danh nghề nghiệp Biên tập viên hạng III Phóng viên hạng III Biên dịch viên hạng III Đạo diễn truyền hình hạng III Họa sĩ hạng III Huấn luyện viên (hạng III)	Nghiên cứu viên (hạng III) Kỹ sư (hạng III)
5	A0	Giảng viên GDNN thực hành Giáo viên GDNN thực hành Giáo viên mầm non Giáo viên tiểu học chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo (trình độ cao đẳng) Giáo viên THCS chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo (trình độ cao đẳng)				

Thang lương	Loại viên chức	Giáo dục	Y tế (bác sĩ, dược sĩ)	Xây dựng (kiến trúc sư, kỹ sư)	Văn hóa, thông tin (đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, huấn luyện viên, phóng viên, biên dịch viên, ...)	Khoa học công nghệ (nghiên cứu viên, kỹ sư)
4	B	Giáo viên GDN Giáo viên mầm non chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo (trình độ trung cấp) Giáo viên tiểu học chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo (trình độ trung cấp)	Y sĩ Dược hạng IV	Thẩm kế viên hạng IV	Đạo diễn nghệ thuật hạng IV Diễn viên hạng IV Họa sĩ hạng IV Huấn luyện viên cao cấp (hạng IV)	Trợ lý nghiên cứu (hạng IV) Kỹ thuật viên (hạng IV)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**BẢNG THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH
TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG,
CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO**

Dự thảo gồm 4 Chương 12 Điều, cụ thể:

Chương I – Quy định chung: 02 Điều

Chương II – Chính sách tiền lương đối với nhà giáo: 03 Điều

Chương III – Chế độ phụ cấp đối với nhà giáo: 04 Điều

Chương IV – Điều khoản thi hành: 03 Điều

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Nghị định này quy định về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.	Quy định chi tiết khoản 4 Điều 23 Luật Nhà giáo
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Nhà giáo được tuyển dụng làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	Theo đối tượng nhà giáo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Nhà giáo
Chương II CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO		
Điều 3. Bảng lương áp dụng đối	1. Nhà giáo được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước theo quy định của pháp luật, trừ nhà giáo được bổ nhiệm chức danh giáo sư theo quy định tại khoản 2 Điều này.	Bảng lương của nhà giáo hiện đang thực hiện giống với viên chức các ngành, lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
với nhà giáo		Giáo sư được xếp lương của chuyên gia cao cấp bảo đảm thực hiện được chủ trương “ <i>Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp</i> ”.
	2. Nhà giáo được bổ nhiệm chức danh giáo sư được áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp. 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể việc bổ nhiệm, xếp lương đối với nhà giáo.	Hiện nay, đối tượng được áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp theo Nghị định số 92/2025/NĐ-CP ngày 25/4/2025 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm chuyên gia cao cấp theo Quy định số 180-QĐ/TW ngày 11/7/2024 của Ban Bí thư về chuyên gia cao cấp, gồm (1) Cán bộ, công chức, viên chức; (2) Người đã nghỉ hưu, người làm việc ngoài hệ thống chính trị (người không thuộc biên chế của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bao gồm cả người Việt Nam và người nước ngoài).
		Giáo sư hiện đang là chức danh cao nhất, thể hiện năng lực, uy tín khoa học và vai trò dẫn dắt chuyên môn, khai phá và sáng tạo tri thức mới đối với lĩnh vực được bổ nhiệm chức danh giáo sư; là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp đối với các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Như vậy, xét theo tiêu chuẩn, điều kiện của chuyên gia cao cấp theo Quy định số 180-QĐ/TW thì giáo sư cũng có sự tương đồng với chuyên gia cao cấp. Do đó, dù không khẳng định giáo sư là chuyên gia cao cấp nhưng việc áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp đối với giáo sư là phù hợp với vị trí, vai trò của giáo sư đối

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
Điều 4. Hệ số lương đặc thù đối với nhà giáo	1. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,15 so với hệ số lương hiện hưởng. 2. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,25 so với hệ số lương hiện hưởng.	với sự phát triển đối với lĩnh vực được bổ nhiệm chức danh giáo sư. Trước khi Chính phủ quy định chính sách tiền lương mới, việc trả lương vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP. Nhà giáo vẫn thực hiện sắp xếp lương theo các viên chức các ngành, lĩnh vực khác và đa số nhà giáo xếp thang lương thấp hơn, chưa thực hiện được chính sách “<i>Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp</i>” tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo. Do đó, Bộ GDĐT đề xuất quy định hệ số lương đặc thù để bảo đảm lương của nhà giáo “<i>cao hơn</i>” viên chức cùng xếp ở hệ số lương tương ứng, tiến tới mục tiêu xếp “<i>cao nhất</i>” theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Hệ số lương đặc thù có sự khác biệt giữa giáo viên mầm non, nhà giáo công tác tại các trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường liên cấp nội trú tiểu học, THCS tại vùng biên giới đất liền (tăng hơn 0,05 so với nhà giáo cấp học tương ứng) bảo đảm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo. Việc quy định hệ số lương đặc thù đối với nhà giáo vẫn bảo đảm lương của nhà giáo thấp hơn lương của lực lượng vũ trang. Đồng thời, trước thời điểm năm 2025, nhiều Bộ, ngành đang được hưởng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù.
	3. Nhà giáo giảng dạy tại trường, lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; trường phổ thông liên cấp nội trú tiểu học, trung học cơ sở vùng biên giới đất liền được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,2 so với hệ số lương hiện hưởng. 4. Nhà giáo giảng dạy tại trường, lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập dành cho trẻ em mầm non được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,3 so với hệ số lương hiện hưởng.	Thực hiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Nhà giáo “<i>Nhà giáo cấp học mầm non; nhà giáo công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt; nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập; nhà giáo ở một số ngành, nghề đặc thù được hưởng chế độ tiền lương và</i>

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
		<i>phụ cấp cao hơn so với nhà giáo làm việc trong điều kiện bình thường.”</i> Thực hiện Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới. Trong đó, giáo Đảng uỷ Bộ Giáo dục và Đào tạo tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ đề xuất ngân sách để duy trì hoạt động của các nhà trường và chế độ phụ cấp cho giáo viên phù hợp điều kiện mới; xây dựng chính sách khuyến khích nhân lực tham gia phục vụ các xã biên giới.
Điều 5. Công thức tính mức lương và phụ cấp đối với nhà giáo	1. Công thức tính mức lương đối với nhà giáo Mức lương thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 = Mức lương cơ sở x Hệ số lương hiện hưởng x Hệ số lương đặc thù 2. Công thức tính mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu, mức phụ cấp đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương cơ sở và mức phụ cấp đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng công phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Hệ số lương đặc thù không dùng để tính mức phụ cấp.	Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội hiện đang quy định rõ cách tính mức lương, phụ cấp và hoạt động phí. Do đó, quy định này nhằm xác định rõ hệ số lương đặc thù tác động đến đối tượng nào đối với tiền lương của nhà giáo. Đồng thời, bảo đảm ổn định, đồng nhất các công thức tính mức lương, phụ cấp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Thông tư số 07/2024/TT-BNV.
	Chương III CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO	
Điều 6. Nguyên tắc thực hiện chế độ phụ cấp đối với nhà giáo	1. Nhà giáo được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên nhà giáo và các loại phụ cấp khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng hưởng phụ cấp, mức phụ cấp, cách tính hưởng phụ cấp thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này.	Giữ bảo đảm các chế độ phụ cấp đối với nhà giáo theo quy định hiện hành

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
	2. Nhà giáo được điều động hoặc biệt phái từ cơ sở giáo dục công lập này đến cơ sở giáo dục công lập khác được hưởng các mức phụ cấp áp dụng đối với cơ sở giáo dục nhà giáo được điều động đến hoặc đến biệt phái. Trường hợp điều động nhà giáo giữa các cơ sở giáo dục mà các mức phụ cấp áp dụng tại cơ sở giáo dục nơi đi cao hơn cơ sở giáo dục nơi đến thì nhà giáo được bảo lưu các chế độ phụ cấp được hưởng trước khi điều động hoặc biệt phái với thời gian tối đa 36 tháng theo thời gian được điều động, biệt phái, sau thời gian đó được xem xét để bố trí lại chế độ phụ cấp cho phù hợp với công việc và địa bàn công tác. Trường hợp điều động nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập sang cơ quan quản lý giáo dục mà các mức phụ cấp áp dụng tại cơ sở giáo dục cao hơn cơ quan quản lý giáo dục thì nhà giáo được bảo lưu tiền lương và các chế độ phụ cấp được hưởng trước khi điều động với thời gian 12 tháng, sau thời gian đó được xem xét để xếp lại bậc lương, các chế độ phụ cấp phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm;	Thông nhất với quy định về biệt phái viên chức tại khoản 4 Điều 36 Luật Viên chức: “Trong thời gian biệt phái, đơn vị sử dụng công lập cử viên chức biệt phái có trách nhiệm bảo đảm tiền lương và các quyền lợi khác của viên chức”. Việc bảo lưu chế độ khi thực hiện điều động thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Nhà giáo. Theo đó, Quốc hội giao Chính phủ quy định việc bảo lưu chế độ, chính sách trong điều động nhà giáo.
	3. Nhà giáo công tác tại ngành, lĩnh vực có chế độ phụ cấp đặc thù thì được hưởng thêm chế độ phụ cấp đặc thù theo quy định của ngành, lĩnh vực đó.	Bảo đảm thực hiện ổn định các quy định hiện hành
	4. Trường hợp đơn vị hành chính nơi mà cơ sở giáo dục đang hoạt động được cấp có thẩm quyền thay đổi loại đơn vị hành chính mà phân loại đơn vị hành chính cũ được hưởng các mức phụ cấp cao hơn, thì nhà giáo đang công tác tại cơ sở giáo dục đó tiếp tục được các hưởng mức phụ cấp này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định phân loại đơn vị hành chính mới của cơ quan có thẩm quyền.	Khi Chính phủ điều chỉnh phân loại khu vực đặc biệt khó khăn, có nơi đang từ vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn không còn trong danh sách vùng khó khăn. Điều này đồng nghĩa với việc người dân không còn được hưởng các chế độ chính sách theo vùng đặc biệt khó khăn (như phụ cấp ưu đãi nghề hưởng mức thấp hơn, không còn các loại trợ cấp vùng khó khăn, không còn thuộc đối tượng để ưu tiên vay tiêu dùng, không còn ưu đãi trong chế độ bảo hiểm y tế...), trong đó có nhà giáo trong khi cuộc sống, điều kiện làm việc không khác trước là bao. Việc này khiến nhiều giáo viên tâm tư và thông tin được đưa nhiều trên thông tin đại chúng, đã được đại biểu Quốc hội đề cập. Vì vậy, đề xuất có quy định bảo lưu 06 tháng để nhà giáo có thời gian ổn định cuộc sống.

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
	5. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc của cơ sở giáo dục có nhiều cấp học hoặc nhiều trình độ đào tạo được hưởng phụ cấp đối với cấp học hoặc trình độ đào tạo có mức phụ cấp cao nhất.	Khi thực hiện sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết 19-NQ/TW, mô hình các trường liên cấp phổ biến ở nhiều nơi, nhưng các cơ chế, chính sách quy định đối với nhà giáo, CBQL của trường liên cấp chưa đầy đủ
	6. Nhà giáo được giao kiêm nhiệm các công việc có chi trả phụ cấp trách nhiệm thì được hưởng tổng các phụ cấp trách nhiệm cho các công việc kiêm nhiệm đó; số lượng các nhiệm vụ kiêm nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.	Có trường hợp vừa là tổ trưởng chuyên môn, vừa được giao các nhiệm vụ khác có phụ cấp trách nhiệm chẳng hạn như dạy tiếng dân tộc thiểu số. Nếu chỉ được hưởng 1 mức thì thiệt thòi cho những người làm tổ trưởng vì chỉ nhận như giáo viên bình thường. Hiện tại nhà giáo ở các trường chuyên biệt đang được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm 0,3; tuy nhiên, trường hợp giáo viên làm tổng phụ trách Đội trong trường chuyên biệt hiện chỉ được nhận 01 mức phụ cấp trách nhiệm như giáo viên bình thường khác.
	7. Đối với cơ sở giáo dục có nhiều điểm trường hoặc phân hiệu, hiệu trưởng, giám đốc được hưởng phụ cấp ở điểm trường hoặc phân hiệu có mức phụ cấp cao nhất; phó hiệu trưởng, phó giám đốc được hưởng mức phụ cấp cao nhất trong số các điểm trường hoặc phân hiệu được giao phụ trách. Nhà giáo được phân công dạy ở nhiều điểm trường hoặc phân hiệu được hưởng phụ cấp của điểm trường hoặc phân hiệu có số tiết thực dạy hoặc số giờ chuẩn giảng dạy nhiều hơn trong tháng (bao gồm cả số tiết được quy đổi, giảm hoặc tính đủ theo quy định). Trường hợp số tiết thực dạy hoặc giờ chuẩn giảng dạy bằng nhau trong tháng thì nhà giáo được hưởng mức phụ cấp cao hơn.	Hiện chưa có các quy định cụ thể đối với trường hợp giảng dạy, quản lý trường có nhiều điểm trường, nhiều phân hiệu
Điều 7. Phụ cấp trách nhiệm công việc	1. Mức hưởng và đối tượng hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc Ngoài các nhà giáo được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định của pháp luật, Nghị định này quy định bổ sung một số trường hợp được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc với các mức như sau: a) Mức 0,1 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với nhà giáo được giao thực hiện công tác tư vấn học sinh; b) Mức 0,2 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với nhà giáo được giao nhiệm vụ tổ phó chuyên môn hoặc tổ phó bộ môn theo quy định của pháp luật; nhà giáo trực	Hiện tại quy định phụ cấp trách nhiệm công việc đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, đối tượng áp dụng chỉ có:

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
	tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục không phải là trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo số giờ giảng hoặc tiết dạy người khuyết tật thực tế; c) Mức 0,3 so với mức lương cơ sở áp dụng đối với: - Nhà giáo được cử làm các nhiệm vụ của nhà giáo cốt cán từ 05 ngày/tháng được hưởng phụ cấp trách nhiệm cho tháng đó; - Nhà giáo được giao nhiệm vụ tổ trường chuyên môn hoặc tổ trưởng bộ môn hoặc tổ trưởng tổ quản lý học sinh theo quy định của pháp luật; - Nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các khoa đào tạo tiếng dân tộc thiểu số tại cơ sở giáo dục đại học; nhà giáo giảng dạy môn học bằng ngoại ngữ (trừ nhà giáo dạy môn Ngoại ngữ); - Nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục khác không phải cơ sở giáo dục đại học nếu đảm bảo số giờ dạy theo định mức, trong đó có số tiết dạy tiếng dân tộc thiểu số trung bình từ 04 tiết/tuần trở lên đối với giáo viên; trung bình từ 02 tiết/tuần dạy tiếng dân tộc thiểu số trở lên đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; - Nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đang công tác tại trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; - Nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục chuyên biệt trong các cơ sở giáo dục không phải là trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.	- Giáo viên được cử làm Tổng phụ trách (chuyên trách và bán chuyên trách) Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh - Giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thuộc biên chế trả lương của các trường chuyên biệt. Hiện tại tổ trưởng, tổ phó chuyên môn không thuộc danh mục vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý nên không thuộc đối tượng hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo. Đồng thời chưa có quy định phụ cấp trách nhiệm công việc cho nhà giáo làm nhiệm vụ cốt cán, nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số, nhà giáo được giao kiêm nhiệm công tác tư vấn học sinh (các nhiệm vụ yêu cầu cao về trách nhiệm công việc). Bên cạnh đó, dự kiến chuyên các trường hợp hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hiện đang quy định tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tại Nghị định này và bãi bỏ Nghị định số 113/2015/NĐ-CP để giám số lượng văn bản quy định và đề bảo đảm các chính sách được quy định tập trung, không tản mác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu và tổ chức thực hiện.
	2. Không áp dụng chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và tương đương đã được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bảo đảm thống nhất quy định hiện hành tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và tránh việc chồng chéo quy định. Không đề xảy ra tình trạng nhà giáo vừa được quy đổi tiết dạy, vừa được hưởng thù lao cho cùng 1 nhiệm vụ chuyên môn.

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
	3. Các hoạt động chuyên môn đã được giảm định mức tiết dạy, giờ giảng hoặc quy đổi ra tiết dạy, giờ giảng thì không được tính hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định tại Điều này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	
	4. Cách tính, hưởng a) Cách tính tiền phụ cấp trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; b) Nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục không phải là trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc như sau: $\text{Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc} = 0,2 \times \text{Mức lương cơ sở} \times \frac{\text{Số giờ giảng hoặc tiết dạy người khuyết tật thực tế trong tháng}}{\text{Định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong tháng}}$ Trong đó, định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong tháng = định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong một năm /12 tháng; c) Phụ cấp trách nhiệm công việc được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính, đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.	Chuyên quy định phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hiện đang quy định tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP như đã nêu ở trên
Điều 8. Phụ cấp lưu động	1. Ngoài các đối tượng được hưởng theo quy định hiện hành của pháp luật, những trường hợp sau được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở theo số ngày thực tế lưu động: a) Nhà giáo được cử biệt phái; b) Nhà giáo dạy liên trường; c) Nhà giáo phải di chuyển để dạy ở các điểm trường hoặc phân hiệu. 2. Cách tính, hưởng phụ cấp lưu động thực hiện theo quy định của pháp luật.	Quy định phụ cấp lưu động đang thực hiện theo Thông tư 06/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức. Đối tượng hưởng phụ cấp lưu động chỉ có nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (kể cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và những người trong thời gian thử việc) công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đang làm chuyên trách về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mà trong tháng có từ 15 ngày trở lên đi đến các thôn, bản, phum, sóc. Tuy nhiên, thực tiễn yêu cầu quản lý đang đòi hỏi giáo viên phải dạy tăng cường, dạy liên trường, dạy ở các

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
Điều 9. Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	1. Ngoài các đối tượng được hưởng theo quy định hiện hành của pháp luật, nhà giáo dạy thực hành và nhà giáo vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trong một bài học/học phần/mô đun/môn học (sau đây gọi chung là nhà giáo dạy thực hành) tại phòng thực hành, xưởng thực hành của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ với những ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm nếu có một trong các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: a) Tiếp xúc trực tiếp với chất độc, khí độc, bụi độc; dạy thực hành ở môi trường dễ bị lây nhiễm, mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định; b) Dạy thực hành trong môi trường chịu áp suất cao hoặc thiếu dưỡng khí, nơi quá nóng hoặc quá lạnh vượt quá tiêu chuẩn cho phép; c) Dạy thực hành những ngành, nghề học phát sinh tiếng ồn lớn hoặc ở nơi có độ rung liên tục với tần số cao vượt quá tiêu chuẩn an toàn lao động và vệ sinh lao động cho phép; d) Dạy thực hành ở môi trường có phóng xạ, tia bức xạ hoặc điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép. 3. Mức phụ cấp: a) Mức 0,1 áp dụng đối với nhà giáo dạy thực hành ngành, nghề học có một trong các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này; b) Mức 0,2 áp dụng đối với nhà giáo dạy thực hành ngành, nghề học có hai trong các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này; c) Mức 0,3 áp dụng đối với nhà giáo dạy thực hành ngành, nghề học có ba trong các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này; d) Mức 0,4 áp dụng đối với nhà giáo dạy thực hành ngành, nghề học có bốn yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Cách tính, hưởng a) Cách tính tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Riêng trường hợp nhà giáo quy định tại Điều này được	điểm trường nhưng chưa có chế độ hỗ trợ đi lại đối với các đối tượng này. Chuyển quy định phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo dạy thực hành và nhà giáo vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trong một bài học/học phần/mô đun/môn học tại phòng thực hành, xưởng thực hành của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ với những ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hiện đang quy định tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP như đã nêu ở trên

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
	tính theo số giờ dạy thực hành thực tế của ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, cụ thể như sau: Tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm Mức phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hưởng Mức lương cơ sở x x Số giờ dạy thực hành thực tế của ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong tháng <u>Định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong tháng</u> Trong đó, định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong tháng = định mức giờ giảng hoặc tiết dạy của nhà giáo trong một năm /12 tháng; b) Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. 5. Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm xác định mức phụ cấp đối với nhà giáo dạy thực hành quy định tại khoản 1 Điều này.	
	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Chương IV	
Điều 10. Điều khoản áp dụng	1. Trong thời gian nghỉ hè nhà giáo được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp (nếu có).	1. Theo quy định tại tại khoản 5 Điều 70 Luật Giáo dục, nhà giáo có quyền “được nghỉ hè theo quy định của Chính phủ và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật”. 2. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, thì “thời gian nghỉ hè hàng năm của giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt là 08 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hàng năm” và khoản 2 Điều 3 “ngoài thời gian nghỉ hè theo quy định tại khoản 1 Điều này, giáo viên, giảng viên được nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động”. Do đó, đối với giáo viên thời gian nghỉ hè là thời gian thay thế cho thời gian nghỉ hàng năm.

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
		3. Theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Bộ luật Lao động, thì người lao động được nghỉ hàng năm và hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động. 4. Đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, thì “tiền lương làm căn cứ trả cho người lao động những ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo Điều 112, khoản 1 và khoản 2 Điều 113, Điều 114, khoản 1 Điều 115 của Bộ luật Lao động là tiền lương theo hợp đồng lao động tại thời điểm người lao động nghỉ lễ, tết, nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương”.
	2. Cơ sở giáo dục ngoài công lập có thể áp dụng quy định tại Nghị định này thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp đối với nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.	Có căn cứ pháp lý để các cơ sở giáo dục ngoài công lập áp dụng thực hiện
	3. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể chi trả các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này ở mức cao hơn.	Theo khảo sát thực tiễn, nhiều cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang chi trả các chế độ cho nhà giáo ở mức cao hơn quy định từ nguồn thu sự nghiệp theo quy chế chi tiêu nội bộ
	4. Nhà giáo được giao nhiệm vụ tổ trưởng, tổ phó chuyên môn hoặc tổ trưởng, tổ phó bộ môn được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định tại Điều 8 Nghị định này và không được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo.	Để tránh việc chi trả đồng thời chế độ khi Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập
	5. Viên chức trong các trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập mà không phải nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc mức 0,3. Cách tính tiền phụ cấp trách nhiệm công việc thực hiện theo quy định của pháp luật.	Để bãi bỏ quy định tại Điều 6 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đồng thời, bổ sung chế độ cho các nhân viên trong trường học được hưởng phụ cấp

Chương, Điều	Nội dung quy định	Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn
		trách nhiệm công việc khi công tác tại các trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập. Thống nhất với quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.
Điều 11. Hiệu lực thi hành	1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. 2. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, hệ số lương đặc thù tiếp tục được thực hiện; việc chuyển xếp từ lương cũ sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ. 3. Bãi bỏ quy định về phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. 4. Bãi bỏ quy định tại Điều 6 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 5. Trường hợp các cơ sở giáo dục trong nội dung quy định tại Nghị định này có sự điều chỉnh về tên gọi thì thực hiện theo tên gọi mới theo quy định của pháp luật.	Đã đưa các nội dung quy định về phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tại Nghị định số 113/2015/NĐ-CP về nội dung quy định ở Nghị định này (Điều 7 và Điều 9)
		Đã đưa nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 61/2006/NĐ-CP về quy định tại Nghị định này (Điều 8 và khoản 5 Điều 10)
		Hiện các cơ sở GDTX trong giai đoạn nghiên cứu, hợp nhất với trung học nghề, nên quy định này để tránh việc phải sửa đổi kỹ thuật về tên gọi trong quá trình thực hiện việc sắp xếp
	6. Chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các quy định của pháp luật có liên quan.	Theo ý kiến của Bộ Công an tại cuộc họp Ban soạn thảo và Tổ biên tập
Điều 12. Trách nhiệm thi hành	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo dục, đơn vị sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	